

**Đại Phương Quảng Phật**

**Hoa Nghiêm Kinh**

**Phẩm thứ mười một**

**Tịnh Hạnh Phẩm**

**Phần 45**

**大方廣佛華嚴經**

**(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

***Tập 1551***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kệ tụng. Xin xem bài kệ thứ mười ba:

***(Kinh) Nhược kiến sa-môn, đương nguyện chúng sanh, điều nhu tịch tĩnh, tất cánh đệ nhất.***

***(經)若見沙門。當願眾生。調柔寂靜。畢竟第一。***

***(Kinh: Nếu thấy sa-môn, nguyện cho chúng sanh, điều nhu, tịch tĩnh, rốt ráo bậc nhất).***

Đấy là khi khát thực ở bên ngoài, nhất định sẽ gặp đồng hành. Đồng hành đều là người xuất gia, nhưng ở đây chẳng nói nhất định là đệ tử Phật! Bởi lẽ, tại Ấn Độ vào thời cổ, Sa-môn (Śramaṇa) gần như là tiếng để gọi chung người xuất gia trong tất cả các tôn giáo! Đấy là [từ ngữ] phiên âm từ chữ Phạn; trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

***(Sớ) Thử vân Chỉ Tức.***

***(疏)此云止息。***

***(Sớ: Cõi này dịch là Chỉ Tức).***

“Thử” (此) là “thử phương” (此方, phương này), tức Trung Hoa. Trong nghĩa tiếng Hán, [Sa-môn] có nghĩa là Chỉ Tức (止息, ngưng dứt). Nhưng trong giới kinh (戒經, kinh dạy về giới luật, luật tạng), chúng ta thường dịch là Cần Tức (勤息, siêng năng dứt trừ), chữ Cần trong Cần Phán (勤奮, siêng năng, phấn chấn), ý nghĩa càng rõ rệt hơn. Vì thế, “cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si); đấy là ý nghĩa của chữ

Sa-môn trong Phật môn. Ở đây, cách dịch của ngài Thanh Lương có thể là cách giải thích thông dụng trong xã hội Ấn Độ thời cổ, nên nói là Chi Tức. Ý nghĩa trong Phật môn hay hơn, “*siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”. Nói chung, ý nghĩa được bao hàm trong ấy tuyệt đối là “*dứt ác*”, ngưng dứt hết thầy ác niệm, ác ngôn, và ác hạnh.

Tại Ấn Độ, chúng ta biết trong thời đại đức Thế Tôn xuất thế, có thể nói Ấn Độ là “*đất nước tôn giáo*” trên thế giới này. Kinh Phật nói [thuở ấy] có chín mươi sáu loại [tôn giáo khác nhau], các đồng học học Phật theo thói quen thường gọi họ là chín mươi sáu thứ ngoại đạo. “*Ngoại đạo*” chẳng phải là biếm nhẽ, hạ thấp người khác đâu nhé, chẳng phải là ý nghĩa ấy! Trong Phật pháp, “*ngoại đạo*” nghĩa là: Cầu pháp ngoài tâm thì gọi là ngoại đạo. Đồng học học Phật nếu chẳng biết nội quán tự tánh thì cũng biến thành ngoại đạo, thuật ngữ trong Phật môn gọi là “*môn nội ngoại*” (門内外), tức là ngoại đạo ngay trong Phật môn! Chúng ta ngẫm xem, chúng ta có phải là “*môn nội ngoại*” như nhà Phật đã nói hay không? Có phải vẫn là cầu pháp ngoài tâm hay không? Cần thận quan sát, tư duy, đại khái là bảy, tám phần mười trong Phật môn vẫn là cầu pháp ngoài tâm, chẳng biết trở về tự tánh. Nếu mọi người đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, quý vị sẽ hiểu được chuyện này: Làm thế nào để giống như Quán Thế Âm “*xoay cái nghe lại để nghe tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*”? Cổ nhân thường nói: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có chuyện gì chẳng làm được, hãy quay lại xét mình). Nếu chúng ta nói theo cách hiện thời, “*phản quán*” (反觀) là như thế nào? Phàm đối với mọi chuyện, bất luận chuyện gì, nhất định là phải thường xuyên nhìn vào bên trong, quý vị mới có thể thật sự khơi mở, sanh khởi trí huệ. Nếu việc gì cũng nhìn ra ngoài, chắc chắn sẽ nảy sanh phiền não. Vì sao Phật, Bồ Tát chẳng sanh phiền não, chỉ sanh trí huệ? Chẳng có gì khác, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, các Ngài đều có thể phản tỉnh sâu xa. Do vậy, các Ngài chẳng sanh phiền não.

Trong phần trước, chúng ta đã từng đọc thấy ý nghĩa của hai bài kệ ấy đều rất sâu. Thật ra, mỗi bài kệ đều sâu rộng vô tận. Vì sao Thanh Lương đại sư chú giải hai bài kệ trước cận kề như thế? Chúng ta cũng tốn mười mấy giờ để học tập chúng. Đây là “*tri ân, báo ân*”. Từ xưa tới nay, điều này đã duy trì sự an toàn trong xã hội. Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*hóa giải xung đột, xúc tiến sự an định và hòa bình trong xã hội*”. Thật sự biết “*tri ân, báo ân*”, chuyện này sẽ được giải quyết dễ dàng. Chúng ta hãy suy nghĩ chuyện này, người ta vì sao có thể tri ân? Do được dạy dỗ mà ra! Thời cổ, chúng ta có thể nói là một trăm năm trước, kẻ làm cha mẹ đều biết cách dạy con cái, nuông chiều mù quáng rất ít, phải dạy cho con hiểu chuyện, phải dạy con thành người. Chẳng thể nuông chiều! Cha mẹ dạy trẻ nhỏ (dạy con cái) phải tôn sư trọng đạo, phải biết ơn thầy. Do vậy, biết ân thầy là do cha mẹ [dạy dỗ], chẳng phải do kẻ nào khác dạy bảo! Nói chung, thầy chẳng tiện nói, đúng hay chẳng? Thầy nói: “Các trò! Thầy có ân đức với các trò, các trò phải biết ân, báo ân”. Chẳng thốt ra lời lẽ ấy được; vì thế, nhất định phải do cha mẹ dạy.

Nhưng kẻ làm con cái đối với ân cha mẹ, chúng cũng không biết. Nếu biết cha mẹ có ân, làm sao có thể giết hại cha mẹ cho được? Làm sao có thể tôn thương, làm hại cha mẹ cho được? Con cái có thể biết ân cha mẹ bằng cách nào? Do thầy dạy. Cha mẹ cũng chẳng thể bảo con cái: “Cha mẹ vất vả nuôi tụi bay, tụi bay phải biết báo ân”. Lời này cũng chẳng thể thốt ra được, người Hoa từ xưa đều rất khiêm hư. Vì thế, chuyện này do thầy dạy, đạo lý ở chỗ này. Ân quốc gia, ân Phật, Bồ Tát, ân chúng sanh đều do thầy dạy. Thầy phải nói thấu triệt những đạo lý và chân tướng sự thật ấy, lại còn đều có thể vận dụng [những điều ấy] trong cuộc sống, ngôn hạnh và cử chỉ. Hết thầy chúng sanh, không chỉ là người, mà động vật, thực vật, khoáng vật, và hiện tượng thiên nhiên đều có ân đối với chúng ta. Vì cuộc sống của chúng ta chẳng tách rời hoàn cảnh ấy. Chúng ta dùng cái tâm báo ân để đối đãi thiên nhiên; hiện thời, chư vị đã hiểu, chư vị thấy thí nghiệm với nước của ông Giang Bồn Thắng liền biết: Dùng cái tâm báo ân đối với thiên nhiên, thiên nhiên sẽ nhất định gió thuận mưa hòa. Chẳng biết báo ân, toan phá hoại thiên nhiên, toan cải tạo thiên nhiên, được lắm! Thiên tai, nhân họa liền xảy ra. Quý vị hãy ngẫm xem, quan niệm “*tri ân, báo ân*” có quan trọng hay không?

Vì thế, trong kinh, đức Phật đã dạy, Thanh Lương đại sư đã trích dẫn điều ấy trong lời Sớ; ở đây, tôi đọc lại một lần nữa: “*Đắc nhân tiểu ân, thường hoài đại báo*” (chịu chút ơn nhỏ của người khác, thường mang lòng báo đáp to tát). Cổ nhân dạy thế hệ sau như thế, họ dạy rằng: “*Thọ nhân trích thủy chi ân, thường tư dũng tuyền vi báo*” (chịu ơn của người khác chừng bằng giọt nước, thường nghĩ báo đáp như suối trào). Chúng ta chịu ân đức của thiên nhiên, chịu ân đức của hết thầy chúng sanh. Quý vị hãy ngẫm xem, từ sáng đến tối, những thứ chúng ta ăn uống là do bao nhiêu người đã nhọc nhằn lo toan, nên chúng ta mới có được một chén cơm này, mới có một đĩa đồ ăn này, mới có một bộ quần áo này, há có phải là đơn giản dường ấy ư? Nay quý vị ăn no, mặc ấm, có nghĩ một hạt cơm ấy, một bộ quần áo ấy do đâu mà có hay không? Lẽ nào quý vị có thể nói chúng sanh chẳng có ân gì đối với quý vị? Gạo thóc sanh trưởng từ mặt đất, đại địa có ân với chúng ta! Nếu gieo hạt thóc xuống, mà chẳng có ánh sáng mặt trời, chẳng có không khí, chẳng có nước, chẳng có phân bón, lúa cũng không thể mọc lên được! Những thứ ấy thầy đều có ân với chúng ta, quý vị có biết hay không? Hai câu sau đó đã nói rất hay: “*Bất tri ân giả, đa tao hoạnh tử*” (Kẻ chẳng biết ân, phần nhiều sẽ bị chết ngang trái). Khi tôi giảng kinh, chẳng nói là “*hoạnh tử*” (橫死, chết ngang trái, chết bất ngờ), mà nói là gì? Tai nạn! Gặp nhiều tai nạn ngang trái. Kinh nói còn nặng hơn tôi! Đây là lời thật, chẳng giả tí nào!

Quý vị chẳng biết báo ân, nay quý vị vẫn chưa bị chết ngang trái, là vì lẽ nào? Trong mạng của quý vị hãy còn một chút phước thừa; đợi cho đến lúc quý vị hưởng hết chút phước thừa ấy, tai nạn ngang trái sẽ xảy tới! Chẳng biết ân là ngu si, là đáng thương. Quý vị tạo tác những tội nghiệp ấy, chẳng thể nói là không có lỗi lầm. Lỗi lầm gì vậy? Lỗi lầm nhẹ hơn một chút, nhẹ hơn ai? [Nhẹ hơn kẻ] vong ân phụ nghĩa. Kẻ ấy biết ân, biết ân mà chẳng thể báo, tội ấy nặng nề. Quý vị chẳng biết ân, tạo những lỗi lầm ấy thì vẫn có tội, tội ấy cũng chẳng nhẹ đâu nhé! Quý vị phải hiểu, trên thế giới này, khá nhiều tôn giáo nói đến chuyện tận

thể. Thiên sách cuối cùng trong kinh Thánh là Khải Thị Lục<sup>1</sup> chính là lời tiên đoán, tiên đoán về tận thế. Trong sáu tín điều của kinh Cổ Lan (Q'uran), có một điều là “*tin vào ngày tận thế*”, chớ nên không biết! Vì thế, chúng tôi đối với chuyện “*tri ân, báo ân*”, bèn nói về những điều ấy khá nhiều.

Trông thấy kẻ chẳng biết ân, tức là [chủ đề của] bài kệ tụng thứ mười hai, “*kiến bội ân nhân*” (thấy kẻ bội ơn), tức kẻ vong ân phụ nghĩa, Phật, Bồ Tát sanh khởi lòng thương xót, “*ư hữu ác nhân, bất gia kỳ báo*” (đối với kẻ ác, chẳng trả thù họ). Trong xã hội hiện tại, bất luận tại Trung Hoa hay ngoại quốc, người hiện thời nhận lãnh sự giáo dục hoàn toàn trái nghịch luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ! Họ nhận lãnh sự giáo dục gì vậy? Ích kỷ, tổn người, lợi mình, giáo dục hiện thời là như vậy đó! Từ nhỏ đã được dạy “*tôn người, lợi mình*”. Vì chính mình đạt được một tí lợi ích mà coi giết người, phóng hỏa là chuyện chánh đáng, bình thường! Chẳng giết người, chẳng phóng hỏa, làm sao ta có thể đạt được lợi ích? Đáng kinh hãi quá! Nhỏ là giết người, phóng hỏa, lớn là tiêu diệt quốc gia của kẻ khác, tiêu diệt chủng tộc của người ta, ta mới có thể đạt được lợi ích. Có đúng như vậy hay không? Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói về đạo lý ấy quá nhiều lượt, các vị đồng tu lâu năm đã nghe nhàm tai rồi: “*Tôn hại kẻ khác chắc chắn sẽ hại chính mình*”. Quý vị phải hiểu nhân quả thông ba đời!

Tôi vừa mới thấy một vị đồng học chính là một chứng minh. Người ấy có oan gia trái chủ dựa thân, bám vào thân người ấy, nói rất rõ ràng: “Oán thân trái chủ ấy là do trong đời quá khứ đã bị vị đồng tu ấy giết, nay kẻ ấy đến báo cừ”. Nhưng như thế nào? Thấy người ấy học Phật, tâm địa rất thiện lương, rất từ bi, lại chẳng nở lòng ra tay. Vì thế, yêu cầu cùng nhau tu hành, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tôi giới thiệu người ấy đến núi Đông Thiên Mục. Đây là một chứng minh! Đời trước quý vị giết người, đoạt tài sản của người ta, đó là “*tôn người, lợi mình*”; đời này người ta tìm quý vị, đến báo cừ. May mắn là quý vị học Phật! Khi quý vị chẳng học Phật, họ nhất định sẽ đoạt mạng. Vì thế, tôn người chắc chắn là hại chính mình, oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong!

Để giải quyết vấn đề, chắc chắn là phải dựa vào trí huệ. Thật sự có thể giải quyết, [phải cấy vào] luân lý, đạo đức, vun bồi thiện hạnh của quý vị. Giáo dục nhân quả hết sức trọng yếu, nếu quý vị đã học tập, sẽ chẳng dấy lên ác niệm đối với hết thầy người, sự, vật. Vì sao? Biết quả báo đáng sợ. Bất luận là đối với người, đối với sự, đối với muôn vật trong trời đất, muôn vật trong trời đất đều có ân với ta, nếu ta có lỗi đối với họ, quý vị sẽ thường bị gì? Người hiện thời nói là

---

<sup>1</sup> Khải Thị Lục còn được gọi là sách Khải Huyền, hoặc sách Khải Thị, là quyển cuối cùng trong phần Tân Ước của kinh Thánh. Chữ Khải Huyền dịch từ chữ Apokalypsis của tiếng Hy Lạp. Do vậy, sách thường được gọi là Book of Revelation, Apocalypse of John. Người ta thường tin sách này do Thánh Gioan Tông Đồ (John the Apostle, Yohanan Shliha) biên soạn từ những mạc khải của Thượng Đế. Tuy vậy, tác giả thật sự của thiên sách ấy vẫn còn đang được các học giả tranh luận. Nội dung sách bao gồm những lời tiên tri gởi đến bảy giáo hội Thiên Chúa Giáo tiên khởi thời đó (Ephesus, Smyrna, Pergamum, Thyatira, Sardis, Philadelphia và Laodicea). Sách bao gồm nhiều ẩn dụ và cảnh tượng huyền bí liên quan đến sự phán xét cuối cùng (Last Judgement) trong giáo nghĩa Thiên Chúa Giáo.

“tai họa thiên nhiên”. Thật ra, chẳng phải là tai họa thiên nhiên, mà là do quý vị có lỗi đối với thiên nhiên, thiên nhiên trả thù quý vị. Tai họa thiên nhiên ở chỗ nào? Nếu thật sự là có các tai họa thiên nhiên, ông Khải Tây (Edgar Cayce) của nước Mỹ sẽ chẳng nói: “Đối với bất cứ một ai trên cả thế giới, những sự gặp gỡ trong cả đời, đều là chuyện vật vãn đến mấy, đều có liên quan tới nghiệp nhân trong đời trước”. Ông ta nói chẳng thể có chuyện nào đột nhiên phát sanh, chẳng có tiền nhân. Đấy chính là giáo dục nhân quả.

Dầu đời này chúng ta học Phật, học rất khá, rất ít lỗi lầm, quý vị có nghĩ trước khi học Phật, quý vị có lỗi lầm hay chẳng? Đời trước, đời trước đó nữa, chúng ta đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo, chẳng biết đã luân hồi bao nhiêu lần! Quá khứ chẳng có khởi đầu, vị lai chẳng có kết thúc, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ có lẽ nào chúng ta chẳng tạo tội nghiệp? Há có lẽ nào chẳng hò đồ? Há có lẽ nào chẳng làm chuyện sai quấy? Quý vị liền biết chính mình có bao nhiêu oán thân trái chủ! Nếu chúng ta học Phật, tu hành nghiêm túc, oán thân trái chủ sẽ chẳng tìm đến, vì lẽ gì? Hằng ngày chúng ta hồi hướng cho họ, hằng ngày chia sẻ cho họ công đức tu tập của chính mình. Họ cũng có thiện tâm, cũng có lương tâm, biết oan oan tương báo thì đời bên đều rất khổ, thấy quý vị tu hành khá lắm, lại còn hồi hướng công đức cho họ, họ sẽ miễn cưỡng nín nhịn, chẳng trả thù. Nếu quý vị ngã lòng, thoái chuyển, đổi dạ, biến đổi chủ ý, họ sẽ ngay lập tức tìm đến. Quý vị phải biết những kẻ đó đều là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. Vì thế, chúng ta liễu giải, hiểu rõ ràng rành mạch những kẻ vong ân phụ nghĩa là do đạo lý nào, vì sao mà họ biến thành như vậy! Chúng ta chớ nên trách móc họ, chính mình phải khéo tu tập!

Đã thế, lại còn cảm tạ họ đã tôn thương, làm hại chúng ta, chúng ta sẽ chuyển biến cảnh giới. Năm xưa, mười năm trước, tôi rời khỏi Đài Loan, tôi viết sáu điều: “Sống trong thế giới cảm ơn”.

1) Điều thứ nhất là cảm ơn kẻ chê trách ta. Vì sao? Ta có thể nhẫn nhục, có thể chịu đựng. Từ sự hủy báng, lăng nhục ác ý vô duyên vô cớ của kẻ khác, từ trong cảnh giới ấy, ta nhận biết công phu Định Huệ của chính mình có được mấy phần. Vì thế, gặp cảnh giới ấy, sẽ chẳng sân khuê. Chẳng có tâm sân khuê, đương nhiên cũng sẽ chẳng báo thù, lại còn rất cảm kích. Người ấy đến khảo đảo ta, coi công phu nhẫn nhục của ta đạt đến mức độ nào, ta gặp gỡ, ta tiếp xúc rất an nhiên!

2) [Thứ hai], cảm kích kẻ quấy nhiễu ta, lúc nào cũng làm phiền, lúc nào cũng gây chướng ngại. Trong suốt một đời, sở dĩ người hiện thời nói “khó làm chuyện tốt”, [là vì] người thật sự giúp đỡ quý vị rất ít, kẻ ngáng chân quá nhiều, hữu ý hay vô tình chẳng hợp tác với quý vị. Chúng ta cũng cảm kích kẻ ấy. Hãy nghĩ xem là do nguyên nhân nào! Đại khái là trong quá khứ ta có thái độ ấy đối với kẻ đó, nay kẻ ấy đối xử với ta như vậy, đó là lẽ đương nhiên! Nhưng ta trọn chẳng chùn bước, vẫn phải tìm ra phương pháp để đột phá, vẫn phải tìm ra biện pháp để thực hiện viên mãn, phải làm thành công những chuyện như vậy. Vì thế, những cảnh duyên ấy giúp ta tăng trưởng năng lực, quý vị nói xem, ta có phải cảm kích kẻ ấy hay chẳng?

3) Thứ ba, phải cảm tạ kẻ đã ruồng bỏ ta. Có đấy! Sau khi Hàn quán trưởng đã ra đi, Hàn quán trưởng đã vứt bỏ chúng tôi. Sau khi bà đã đi rồi, cảnh duyên hết sức xấu ác, chúng tôi không thể chẳng rời khỏi Đài Loan. Đây là duyên phận, chúng tôi chẳng oán hận, mà cũng chẳng trả đũa, vẫn phải cảm ơn. Vì sao? Chúng ta phải học từ bi, tự lực cánh sinh. Trong quá khứ chúng ta còn dựa dẫm, chồ nương dựa ấy chẳng còn nữa!

4) Thứ tư, cảm kích kẻ đánh đập ta. Vì sao? Tiêu nghiệp chương cho ta.

5) [Thứ năm], cảm kích kẻ lừa gạt ta. Tuy chúng ta rất thật thà, toàn là thiện tâm thiện ý giúp đỡ người khác, xác thực là bị lừa gạt, bị thua thiệt, bị gạt gẫm. Chúng ta vẫn không oán hận, mà rất cảm tạ, cảm kích kẻ ấy vì lẽ gì? Tăng trưởng kiến thức cho chúng ta. Có một năm, tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), các đồng tu dẫn tôi đi vãng cảnh, đến chơi cầu lớn Kim Sơn (Golden Gate). Gặp một đám trẻ tuổi người Mỹ, họ vây quanh tôi nói líu lo líu lờng, khiến cho tôi nghe chẳng hiểu gì! Chẳng lâu sau, nhóm người ấy tản đi, chẳng còn nữa, một đứa cũng chẳng thấy! Tôi bỗng dưng phát hiện ví tiền đã bị họ lấy trộm mất. Dường như có hai, ba ngàn Mỹ kim trong ấy bị họ đánh cắp. Tôi chẳng oán hận họ mà còn rất cảm kích. Vì sao? Trong đời này, lần đầu tiên tôi gặp chuyện ấy. Sau đây, sẽ lưu tâm cẩn thận, họ đã cảnh cáo tôi. Tôi chỉ có thể nói chính mình chẳng cẩn thận! Tôi đeo ba lô, ba lô có khóa kéo (zipper, fermeture). Quý vị thấy người Hương Cảng rất thông minh, họ đều đeo ba lô đằng trước, dùng tay ôm lấy. Tôi chẳng vậy, tôi đeo ba lô sau lưng. Người ta kéo dây khóa ra, lấy ví tiền đi. Còn may là hộ chiếu và chứng từ thông hành chẳng để cùng một chỗ. Luôn có tâm cảm kích người khác, đây là chuyện tốt.

Điều cuối cùng, cảm kích kẻ tổn thương ta. Vì sao? Kẻ ấy rèn luyện tâm trí ta. Ta phải chịu nổi sự thử thách, giống như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Đó là tổn thương, tổn thương nghiêm trọng!

Bởi lẽ, kẻ vong ân phụ nghĩa trong xã hội hiện thời đông lắm, chúng ta có thể thường xuyên gặp phải. Dầu gặp phải, cũng chớ nên nguội lạnh tấm lòng. Nếu tấm lòng nguội lạnh, vậy là quý vị mắc lừa rồi, quý vị đã bị kẻ khác dìm xuống nước! Vĩnh viễn đối đãi bằng tấm lòng cảm ơn, hồi quang phản chiếu, tăng cao cảnh giới của chính mình, đều là chuyện tốt đẹp. Vì thế, chúng ta thấu hiểu, ai nấy đều là người tốt, chuyện nào cũng đều là chuyện tốt, bất luận thiện duyên hay ác duyên, thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta học sao cho có thể chuyển cảnh giới trong Phật pháp. Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai. Vì sao Như Lai thường trụ trong Giới, Định, Huệ? Trong đại kinh thường tán thán: “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Bậc Na Già<sup>2</sup> thường ở trong Định, không lúc nào chẳng định). Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, Ngài đều ở trong đại định, đạo lý gì vậy? Có thể chuyển biến cảnh giới.

---

<sup>2</sup> Na Già thường được dịch là “*long tượng*”, tức một loại voi to. Có thuyết giải thích từ ngữ này nói về rồng và voi. Đây là một danh xưng nhằm ca ngợi đức Phật cao quý, ổn trọng, luôn an định.

Chúng ta học Phật rất đáng thương. Đối với cảnh giới bé tí đều bị ngoại cảnh xoay chuyển, chính mình chẳng thể làm chủ được! Nếu là vì chuyện cá nhân, hãy coi như xong, chuyện gì cũng đều chớ nên so đo, cần gì phải vậy! Sẽ chẳng có chuyện chi hết! Nếu chuyện ấy liên quan đến sự an nguy hoặc lợi hại của đại chúng trong xã hội thì chẳng thể không hỏi đến. Đây chẳng phải là vì chính mình, mà là vì chúng sanh, vì chánh pháp tồn tại lâu dài. [Nếu là chuyện] vì lợi ích chúng sanh, đối với chuyện ấy nhất định phải hỏi tới, phải hỏi như thế nào? Khéo léo, uyển chuyển. Trong hiện thời, người thật sự phát đại tâm làm thiện sự chẳng nhiều. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huân sẽ hiểu rõ, rất nhiều kẻ làm thiện sự là do theo đuổi người khác. Thấy người ta làm, chính mình bèn tùy hỷ đôi chút. Kẻ khác chẳng làm, họ tuyệt đối chẳng thể dấy lên ý niệm. Vì thế, thiện kiểu đó chẳng thật, thiện kiểu đó là giả. Quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm đã nói có tám loại thiện, có chân, có giả, có thiên lệch, có chánh đáng, có lớn, có nhỏ, có chẳng toàn vẹn và toàn vẹn. Quý vị xem rồi sẽ hiểu rõ!

Nếu người nào chẳng tu hành, chẳng thật sự giác ngộ, sẽ chẳng thể được! Họ nghĩ thiện sự viên mãn ngàn ấy, họ làm rớt ráo đường ấy, chẳng phải là chuyện đơn giản đâu nhé! Từ chỗ này, quý vị cũng có thể nhận biết, cũng có thể thấu hiểu tu hành chẳng phải là chuyện đơn giản đường ấy, đồng thời cũng ý thức nghiệp chướng sâu nặng đường ấy, nghiệp chướng ngăn lấp ngàn ấy. Nếu chẳng bị nghiệp chướng ngăn lấp, quý vị sẽ là người thông minh, lanh lợi bậc nhất, trong đời này, quý vị xác thực sẽ tiêu tai, tích lũy công đức. Cuộc sống của quý vị sẽ là pháp hỷ sung mãn, chắc chắn sẽ có thể lợi ích vô lượng vô biên chúng sanh. Quy kết đến cuối cùng, sẽ là trí huệ; chẳng có trí huệ sẽ không được! Nhưng trí huệ, nói theo lý, mỗi cá nhân đều như nhau, hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà không thể chứng đắc. Quý vị bèn hiểu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều đường ấy! Lại có một chướng ngại to lớn là oán thân trái chủ, hữu hình hay vô hình. Nói theo phương diện cảm ứng, sẽ là hiển ứng (顯應, cảm ứng rõ rệt) hay minh ứng (冥應, cảm ứng ngầm). Đây là chướng ngại rất lớn. Vì thế, hầu như bất cứ người tu hành nào, gần như chẳng có ai không coi chuyện hóa giải oán kết, tức là oán kết trong nhiều đời và hiện tiền như đại sự bậc nhất trong việc tu hành. Tu gì vậy? Hóa giải oán kết. Chỉ có thời thời khắc khắc chính mình phản tỉnh, luôn luôn phải quy kết về chính mình, đừng nên trách móc ai khác. Trách móc kẻ khác chắc chắn là sai lầm! Chẳng có lẽ ấy!

Vì thế, nay chúng ta đọc bài kệ này, trên đường, quý vị gặp gỡ người tu hành, bất luận là người tu hành thuộc tôn giáo nào, vì ở đây [Văn Thù Bồ Tát] chẳng nói “*nhược kiến tỳ-kheo, nhược kiến sa-di*” (nếu thấy tỳ-kheo, nếu thấy sa-di). [Nếu nói như vậy], sẽ chắc chắn là đệ tử Phật. Kinh chỉ chép “*sa-môn*”, tức là nói chung tất cả những người tu hành thuộc các tôn giáo. Sa-môn cũng chẳng nhất định là người xuất gia! Hàng tại gia thật sự đoạn ác tu thiện, cũng được gọi là sa-môn; nhưng sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, chữ sa-môn tại Trung Hoa quá nửa là nói đến hàng xuất gia, hàng tại gia chẳng gọi là sa-môn. Nhưng cũng có một số ít thật sự hiểu “tại gia cũng có thể gọi là sa-môn”. Họ cũng chẳng

sai. Theo thói quen, [từ ngữ sa-môn] dùng để chỉ người xuất gia, người xuất gia được gọi là sa-môn. Do vậy, ý nghĩa gốc của từ ngữ này chẳng phân biệt xuất gia hay tại gia, nhưng nhất định là “*dứt ác, làm lành*”, đây là điều khẳng định. Vì thế, ở đây Thanh Lương đại sư dịch [chữ Sa-môn] thành Chỉ Túc.

“*Tất cánh chỉ túc*” (Ngưng dứt rốt ráo): Trong Phật pháp, “*tất cánh chỉ túc*” là ngưng dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu ngưng dứt những thứ ấy, sau đó sẽ thật sự là “*duy Đại Niết Bàn*”, [nghĩa là] chỉ có Đại Niết Bàn. Tại Ấn Độ, Niết Bàn và Đại Niết Bàn vào thời cổ cũng là thông xưng (danh xưng thông dụng), mỗi tôn giáo đều gọi chuyện “đạt đến quả báo tốt cùng viên mãn” là Niết Bàn. Niết Bàn có ý nghĩa “*bất sanh, bất diệt*”, trong Phật môn thường dùng chữ Viên Tịch (圓寂) [với hàm nghĩa] “*công đức viên mãn, thanh tịnh tịch diệt*”. Phật môn dùng hai câu ấy để giải thích [danh xưng Niết Bàn]. Trong chín mươi sáu loại tôn giáo ở Ấn Độ vào thời cổ, xác thực là có khá nhiều phái có công phu Thiền Định rất khá. Trong khi nhập Định, họ có thể đến Sắc Giới Thiên, Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên, có thể đến Tứ Không Thiên. Có những tôn giáo ngộ Tứ Thiên là Niết Bàn, hiểu lầm mà! Còn có các tôn giáo coi Tứ Không Thiên là Niết Bàn. Quý vị thấy tầng cao nhất trong Tứ Không Thiên, công phu định lực có thể đạt tới tám vạn đại kiếp, kém hơn một bậc là sáu vạn đại kiếp, kém hơn một bậc nữa là bốn vạn đại kiếp, kém hơn một bậc nữa là hai vạn đại kiếp. Quý vị bèn hiểu công phu định lực trong Tứ Thiên, tức là công phu định lực trong Đệ Tứ Thiên của Sắc Giới là một vạn sáu ngàn kiếp.

Họ đều coi những cảnh giới ấy như Niết Bàn, nhưng khi thời gian đã tới (thời gian có thể duy trì định lực đã hết), công phu định lực của họ bị mất đi. Sau khi đã mất đi, phiền não tập khí của họ liền dấy lên hiện hành, cái tâm bèn loạn. Khi ấy, họ sẽ hoài nghi, hoài nghi gì vậy? Niết Bàn như thánh nhân đã nói là giả trá, chẳng thật. Chẳng phải là Niết Bàn bất sanh bất diệt ư? Vì sao hiện thời hiện tượng sanh diệt của ta lại dấy lên? Đã nầy sanh ý niệm ấy, bèn hủy báng thánh hiền. Tội lỗi hủy báng thánh hiền nặng lắm. Không chỉ là chuyện của riêng mình quý vị đâu nhé! Vì quý vị hủy báng mà khiến cho rất nhiều người đánh mất tín tâm đối với thánh hiền, cho rằng những điều thánh hiền đã dạy toàn là giả trá. Vì sao? Người ấy đã chứng minh rồi đó! Người ấy đã chứng Đại Niết Bàn, hiện thời lại bị lui sụt, có thể thấy là Niết Bàn chẳng thật! Điều này khiến cho bao nhiêu người chôn vùi tín tâm, tội báo ấy chính là địa ngục A Tỳ! Đó gọi là “*trèo cao, ngã nặng*”. Đạo lý ở ngay chỗ này!

Bồ Tát thấy những người tu hành ấy, quý vị thấy các Ngài (Bồ Tát) từ trong cảnh giới bèn dẫn phát đại nguyện trong tự tánh, “*đương nguyện chúng sanh, điều nhu tịch tĩnh, tất cánh đệ nhất*” (nguyện cho chúng sanh, điều hòa, mềm mỏng, vắng lặng, rốt ráo là bậc nhất), có nguyện như thế đó. “*Tất cánh đệ nhất*” xác thực là Đại Niết Bàn của Như Lai, đây mới là đệ nhất thật sự. Vì sao? “*Bất sanh bất diệt*” như các tôn giáo khác đã nói đều chẳng thật, [bởi lẽ], chẳng thoát khỏi tam giới. Sở dĩ Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này chính là vì chuyện này, đây là do căn cơ của các chúng sanh đã chín muồi. Vì sao? Đối với những lạc sự, vinh hoa, phú quý trong thế gian, họ đã thấy thấu suốt, biết chúng là hư



giả, chẳng truy cầu nữa, mà mong cầu bất sanh bất diệt. Chỉ cần có ý niệm ấy thì gọi là “*căn cơ đã chín muối*”. Ý niệm ấy là cảm. Căn cơ đã chín muối, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn đến, Ngài đến ứng hóa. Vì sao Ngài không đến ứng hóa tại Trung Hoa? Người sống tại Trung Hoa vào thuở ấy chẳng có ý niệm ấy, tối đa là người Hoa có nguyện vọng gì? Sanh lên trời! Người Hoa biết có trời, có Ngọc Hoàng Đại Đế, hoàn cảnh trên trời tốt đẹp hơn nhân gian, chẳng biết ngoài trời còn có trời, chẳng biết! Vì thế, người Hoa chẳng có ý niệm mong vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng hề có! [Do vậy], Phật, Bồ Tát chẳng [ứng hiện] tại [Trung Hoa]!

Trên thực tế, nói “*Phật, Bồ Tát chẳng đến*”, quý vị cũng đừng nghe rồi hiểu lầm! [Thật ra], Phật, Bồ Tát vẫn đến, đến như thế nào? Chẳng đến bằng thân phận Phật, Bồ Tát! Do vậy, ở Trung Hoa xuất hiện Không Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, quý vị nói họ có phải là Bồ Tát tái lai hay chẳng? Rất có thể. Năm xưa, tôi cầu học ở Đài Trung, đã thỉnh giáo thầy Lý về chuyện này. Thầy Lý bảo: “*Nói theo Lý thì hợp lẽ!*” Chẳng phải là Quán Âm Bồ Tát đã từng nói: ‘Đáng nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy’ đó sao? Đáng nên dùng thân Không Tử để đắc độ, bèn hiện thân Không Tử. Đáng nên dùng thân Lão Tử để đắc độ, bèn hiện thân Lão Tử. Vậy thì Không Tử, Lão Tử là Phật, Bồ Tát tái lai, nói theo Lý sẽ suông sẻ. “*Nơi Sự thì chẳng có căn cứ*”. Vì sao? Chính họ chẳng nói họ là Bồ Tát nào tái lai. Nếu Không Tử, Mạnh Tử khi lâm chung bảo mọi người họ là Bồ Tát gì đó tái lai thì đây là thật. Họ chẳng nói; do chẳng nói, chẳng có căn cứ sự thật. Nói theo Lý, chắc chắn sẽ thông suốt. Vì thế, Phật, Bồ Tát thị hiện tại Trung Hoa, chẳng dùng thân phận Bồ Tát để thị hiện, mà thị hiện gì? Quý vị nói tới đời sau, thị hiện làm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, cư sĩ, quốc vương, đại thần. Đúng là giống như ba mươi hai ứng thân mà kinh điển đã nói, xác thực là có, chẳng phải là không có. Cao Tăng Truyện, Thần Tăng Truyện, và Cư Sĩ Truyện đều có ghi chép rất cặn kẽ!

Nơi xứ Ấn Độ, xác thực là cơ duyên của họ đã chín muối, vì họ tu Thiên Định. Lại còn có Thiên Định sâu như vậy, Tứ Thiên Bát Định! Do đó, lục đạo luân hồi chẳng phải do đức Phật nói ra đầu tiên, mà là do Bà La Môn nói. Bà La Môn giáo sớm hơn Phật giáo quá nhiều. Chính họ tự nói tôn giáo của họ truyền đến hiện thời đã hơn một vạn năm, có đáng tin hay chẳng? Cũng có thể tin được, nhưng người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, chẳng ghi chép. Trên thế giới hiện thời, nói chung, mọi người công nhận Bà La Môn giáo tối thiểu là có lịch sử tám ngàn năm trăm năm. Vì thế, trong các tôn giáo trên toàn thế giới, nói theo lịch sử, Bà La Môn giáo được xếp đầu tiên. Do Thái giáo (Judaism, Yehudah) có bốn ngàn năm, Bái Hỏa giáo (Zoroastrianism, Mazdayasna) đã lâu hơn ba ngàn năm, đại khái là ba ngàn năm trăm năm, Phật giáo xếp thứ tư, tức là xếp vào hạng thứ tư. Điều này có nghĩa là họ ở trong Thiên Định đã đột phá thời gian, vượt qua các chiều không gian, trông thấy lục đạo luân hồi, chẳng phải do họ tưởng tượng, họ trông thấy rồi nói ra. Họ hiểu rành mạch hiện tượng luân hồi trong lục đạo, nhưng lục đạo vì sao mà có, họ chẳng biết. Ngoài lục đạo còn có gì khác hay chẳng, họ cũng chẳng biết.

Trong tình huống ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng thân Phật, dùng thân Bồ Tát để thị hiện, vì sao? Họ mong cầu Niết Bàn, mong cầu bất sanh bất diệt, Phật pháp thật sự có “bất sanh, bất diệt”. Niết Bàn của Tiểu Thừa gọi là Thiên Chân Niết Bàn, vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng có Phần Đoạn sanh tử. Chẳng có hiện tượng sanh tử như trong lục đạo luân hồi, nhưng ngoài lục đạo luân hồi, còn có một thứ là Biến Dịch sanh tử; [đấy là] hai loại sanh tử. Biến Dịch sanh tử chẳng phải là sanh tử thật sự, mà là do tu hành rất vất vả, cho nên coi nỗi khổ ấy như sanh tử. Vất vả như thế nào đi nữa, chẳng nhọc nhằn bằng tu hành trong lục đạo. Nó nhẹ nhàng hơn nhiều lắm! Tuy nhẹ nhàng, nhưng vẫn có, vì thế gọi là Biến Dịch sanh tử. Mỗi giai đoạn tu hành đến một [mức độ] công phu nào đó, lại tiến cao hơn. Vì thế, tiến lên Đại Thừa, đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đấy là chứng Đại Niết Bàn. Không chỉ là vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Đấy là đi khát thực bên ngoài, trông thấy người tu hành, chính mình luôn có nguyện vọng như vậy, thâm lặng chúc phước cho người ấy, hy vọng người ấy thật sự có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng đại Niết Bàn của Như Lai. A! Chúng tôi giảng bài kệ này tới đây.

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin hãy xem tiếp bài kệ tiếp theo là bài thứ mười bốn:

***(Kinh) Kiến Bà La Môn, đương nguyện chúng sanh, vĩnh trì phạm hạnh, ly nhất thiết ác.***

***(經)見婆羅門。當願眾生。永持梵行。離一切惡。***

***(Kinh: Thấy Bà La Môn, nguyện cho chúng sanh, mãi giữ phạm hạnh, lìa hết thảy ác).***

Bà La Môn vào thời cổ được người hiện thời gọi là Ấn Độ giáo; ở Nam Dương, nó được gọi là Hưng Đô giáo (Hinduism), tín đồ cũng chẳng ít. Mấy năm trước, chúng tôi ở Tân Gia Ba, giáo đồ Hưng Đô giáo tại Tân Gia Ba rất đông. Bất cứ lúc nào cũng có thể thấy đạo tràng của họ, cũng có không ít đạo tràng tôi đã đến thăm, kết duyên cùng họ cũng rất sâu. Kinh điển Ấn Độ giáo khá ít tuy lịch sử truyền thừa rất lâu. Họ thờ thần, điều chủ yếu của tôn giáo là [tin vào một vị] thần sáng tạo vũ trụ, tức Đại Phạm Thiên. Trong Phật môn, vị này được gọi là Đại Phạm Thiên Vương. Thoạt đầu, họ cũng tiếp nhận không ít giáo nghĩa Phật giáo; vì thế, Hưng Đô giáo là phái cách tân của Bà La Môn giáo, có mối quan hệ rất mật thiết với Phật giáo. Họ coi Thích Ca Mâu Ni Phật là tiên tri, là thánh nhân, nhưng trên thánh nhân còn có một vị thần, tức là thần chúa tể. Chuyện này có thể nói thông suốt được, Phật pháp là viên dung, xác thực là “đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy”!

Trong các vị Đại Phạm Thiên Vương có Phật, Bồ Tát thị hiện hay không? Khẳng định là có! Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thường thấy Thập Địa Bồ Tát thường ứng hóa trong Sắc Giới Thiên, làm thiên vương trong Sắc Giới hay Dục Giới, dùng loại thân phận ấy để độ chư thiên. Những vị thiên vương ấy là

hóa thân của Phật, Bồ Tát, tự nhiên là hộ pháp trong Phật môn. Vì thế, họ cũng thường lễ thỉnh chư Phật, Bồ Tát đến thiên cung giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị thấy kinh Địa Tạng chẳng phải là giảng trên Đạo Lợi Thiên ư? Còn đối với kinh Hoa Nghiêm, trong phần trước, quý vị đã thấy rồi đó, tôi đã giới thiệu, bảy chỗ, chín hội. Có khá nhiều bài kinh được giảng tại trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, hay trời Tha Hóa Tự Tại. Như thế thì chúng ta có thể tưởng tượng, các vị thiên vương ấy chắc chắn là Bồ Tát hóa thân. Chư vị phải hiểu, thiên vương quá nhiều!

Tam giới lục đạo ở trong tam thiên đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Đức Phật dạy, trên đỉnh của Dục Giới Thiên là Sơ Thiên Thiên, đây là một đơn vị thế giới. Trong một tiểu thiên thế giới, có bao nhiêu đơn vị thế giới? Có một ngàn. Tầng trời chót đỉnh của một ngàn đơn vị thế giới là Nhị Thiên Thiên. Do vậy, phía trên một ngàn Dục Giới Thiên (Lục Dục Thiên) chỉ có một Nhị Thiên Thiên. Phía trên một ngàn Sơ Thiên Thiên là một Nhị Thiên Thiên. Vì thế, Sơ Thiên là tầng trời chót đỉnh của một đơn vị thế giới, Nhị Thiên là tầng trời chót đỉnh của một tiểu thiên. Tam Thiên là tầng trời chót đỉnh của một trung thiên. Tứ Thiên là tầng trời chót đỉnh của một đại thiên thế giới. [Nói cách khác], một tam thiên đại thiên thế giới chỉ có một Tứ Thiên Thiên. Một tiểu thiên thế giới có một ngàn Dục Giới Thiên. [Đã là] một ngàn Dục Giới Thiên, như vậy thì quý vị biết như Đạo Lợi thiên vương [chẳng hạn], sẽ có một ngàn vị Đạo Lợi thiên vương, một ngàn Dạ Ma thiên vương, một ngàn Đâu Suất thiên vương. Rốt cuộc là vị thiên vương nào của Đâu Suất Thiên? Là vị thiên vương nào của Đạo Lợi Thiên? Không chỉ là một vị, rất ư là nhiều! Giống như trên quả địa cầu hiện thời có hơn một trăm quốc gia, giả thiết những quốc gia ấy đều là quốc gia dân chủ, mỗi quốc gia đều có Tổng Thống, quý vị là Tổng Thống của quốc gia nào? Hơn một trăm quốc gia! Chúng ta phải hiểu rõ điều này, chớ nên hàm hồ, lơ mơ! Có nghĩa là Đạo Lợi thiên vương nhiều ngàn ấy, trong số đó, có vị thật sự là chư thiên thuộc Dục Giới Thiên, trong ấy, xác thực cũng có Phật, Bồ Tát ứng hóa. Phật, Bồ Tát đến ứng hóa nơi đâu? Đây đều là do chúng sanh cảm ứng. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn ứng. Đạo lý như thế đó, phải hiểu rõ ràng, rành rẽ chuyện này.

Bà La Môn giáo coi Phạm Thiên là chân thần để sùng bái. Phạm (梵) có nghĩa là thanh tịnh. Trong Phật giáo, Phạm Thiên được gọi là Sơ Thiên Thiên Chúa, tức Đại Phạm Thiên Vương. Do vậy, trong đại thiên thế giới này, Đại Phạm Thiên Vương cũng rất nhiều, đương nhiên là có Phật, Bồ Tát thị hiện trong ấy. Điều này là khẳng định, có thể nói là chúng ta chẳng mấy may ngò vực chi! Phạm Thiên đề xướng tịnh hạnh, Phạm có nghĩa là thanh tịnh, dẫn phát đại nguyện của Bồ Tát, “*vĩnh trì Phạm hạnh, ly nhất thiết ác*” (vĩnh viễn giữ gìn hạnh thanh tịnh, lìa hết thảy ác), tu tâm thanh tịnh. Trong kinh Hoa Nghiêm có phẩm Phạm Hạnh, hiện thời chúng ta đang đọc phẩm Tịnh Hạnh, phần sau còn có phẩm Phạm Hạnh. Nếu Tịnh Hạnh được nâng cao hơn, sẽ là Phạm Hạnh. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra tông cương lãnh tu hành, chớ nên không biết điều này!

Chúng ta muốn tu Tịnh Độ, giáo pháp Đại Thừa đã dạy, “*tâm tịnh, cõi Phật tịnh*”. Nói thật ra, cõi nước chẳng có tịnh hay uế, tịnh hay uế là do lòng người! Lòng người thanh tịnh; núi, sông, đại địa chẳng có thứ gì không thanh tịnh. Lòng người bất tịnh, chẳng có pháp nào là thanh tịnh. Đây là gì? Cảnh chuyển theo tâm, đúng vậy, Thật Tướng đây! Vì thế, kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt giống Như Lai*”. Phạm vi của chữ “*vật*” (物) hết sức rộng lớn, loài người cũng được bao gồm trong ấy, [thường nói gộp chung là] “*nhân vật*”. Nếu nói là “*người*” thì trong lục đạo chỉ có nhân đạo (loài người), chín pháp giới khác chẳng được bao gồm trong đó. Nếu nói “*vật*”, mười pháp giới đều được bao gồm. Vì thế, chữ “*vật*” bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hoàn toàn bao gồm trong ấy. Tâm tịnh thì hết thấy các pháp đều tịnh. Sau đó là câu “*ly nhất thiết ác*” (liệt hết tất cả ác). Do vậy có thể biết, hết thấy ác sanh từ nơi đâu? Hết thấy ác sanh từ cái tâm nhiễm ô, chẳng thanh tịnh. Chúng ta thường nói là “*phiền não*”, phiền não sẽ chẳng thanh tịnh. Trong cái tâm thanh tịnh chẳng có phiền não; tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, năm chữ ấy chính là nhu cầu bức thiết trong xã hội hiện tại.

Tháng trước, tại Châu Sơn thuộc Hàng Châu, Trung Hoa, đã tổ chức luận đàn Phật giáo thế giới lần thứ nhất. Đây là kỳ đầu tiên, nghe nói sau này sẽ còn tiếp tục tổ chức. Chủ đề trong luận đàn là “*giác, chánh, tịnh*”, “*tâm tịnh ắt cõi nước tịnh, tâm an ắt chúng sanh an, tâm bình ắt thiên hạ bình*”. Đây chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” được nói trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. Thanh tịnh và bình đẳng thì mọi người có thể thấy rất rõ rệt, nhưng “*giác*” thì dường như chẳng thấy. Nó có [tác dụng] an tâm, tâm an như thế nào? Hễ giác bèn an, mê sẽ chẳng an. Vì thế, tựa đề kinh dùng chữ Giác. Vì sao chúng ta biết mê sẽ chẳng an, hễ giác bèn an? Tôi nêu công án của Huệ Khả đại sư trong Thiên Tông, nay chúng ta nói là câu chuyện, [công án] tức là một câu chuyện về Huệ Khả đại sư, quý vị chẳng hiểu rõ hay sao?

Tổ sư Đạt Ma đến Trung Hoa, đây là người đầu tiên truyền nhập Thiên Tông vào Trung Hoa. Do vậy, Ngài là Sơ Tổ của Thiên Tông Trung Hoa. Huệ Khả là người thừa kế của Ngài, là tổ sư đời thứ hai của Thiên Tông. Vị này cũng rất lỗi lạc. Ngài đến chùa Thiếu Lâm tham phỏng tổ sư Đạt Ma, rất vất vả, rất chân thành. Vì thế, đây chính là như cổ đức đã nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thành kính được biểu hiện từ chỗ nào? Khi Ngài đến bái phỏng tổ sư Đạt Ma, nhằm lúc tuyết đổ, mùa Đông trời đổ tuyết. Tổ sư Đạt Ma tĩnh tọa trong phòng, mở toang cửa. Ngài thấy tổ sư tĩnh tọa, chẳng tiện kinh động Tổ; vì thế, đứng ngoài cửa. Tuyết đổ dày, ngập đến tận gối như thế đó, quý vị biết Ngài đã đứng bao lâu, Ngài vẫn cứ đứng nơi đó. Tổ sư vẫn chưa xuất định, Ngài đợi rất lâu. Gặp tổ sư cũng chẳng có gì đề cúng dường. Khi ấy, người xuất gia trên thân đều đeo một thanh giới đao. Quý vị thấy quần áo của người xuất gia hiện thời ở bên này có may hai cái túi. Cái túi ấy để làm chi vậy? Để chứa giới đao. Ngài dùng giới đao chặt đứt cánh tay của chính mình, đem cánh tay ấy cúng dường tổ sư Đạt Ma.

Tổ sư Đạt Ma xuất định, mở mắt ra, thấy tình hình như vậy, liền hỏi Ngài: “Sao người khổ sở như vậy? Rốt cuộc là vì điều gì?” Huệ Khả đại sư thưa: “Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con”. Tổ sư Đạt Ma bảo: “*Ông lấy cái tâm ra đi*”. Vì thế, nay chúng ta thấy rất nhiều bức tượng tạc tổ Đạt Ma duỗi một cánh tay ra. Duỗi tay để làm gì? “Người lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó cho người!” Huệ Khả đại sư nghe xong sững sờ, suy ngẫm tìm tâm, lặng thinh một lúc lâu, Ngài thưa: “*Ngã mịch tâm liễu bất khả đắc*”, [nghĩa là] con tìm chẳng thấy cái tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan còn tìm tâm ở bảy chỗ, nói ra bảy chỗ đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật bác bỏ. Quý vị nhìn từ chỗ này, dường như Huệ Khả đại sư còn cao hơn ngài A Nan một bậc, Ngài lập tức trả lời: “*Tìm tâm trọn chẳng thể được!*” Tổ sư Đạt Ma đáp lại bằng một câu: “*Dữ như an tâm cánh*”, nghĩa là ta đã an cái tâm cho người rồi đó. Từ câu nói ấy, ngài Huệ Khả bèn ngộ, hoá nhiên đại ngộ.

Vì thế, giác ngộ thì tâm bèn an; khi mê, tâm bất an! Đây là một thí dụ rất rõ rệt. Quý vị mong tâm an, để tâm an thì phải giác ngộ. Giác ngộ gì vậy? Thật sự triệt để liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Khi ấy, vọng niệm chẳng sanh, tâm bèn an. Tâm bất an tức là vọng tưởng quá nhiều, làm sao quý vị có thể an cho nổi? Nay chúng ta thường nói [tâm bất an] là phập phều, bộp chộp. Phàm là kẻ xáo động, bộp chộp, học gì cũng đều chẳng thành công. Đừng nói là học Phật pháp, pháp thế gian kẻ ấy cũng chẳng thể có thành tựu chi cả! Dạy học thời cổ rất coi trọng chuyện này. Bất luận pháp thế gian hay Phật pháp, đều phải là tâm bình khí hòa, quý vị mới thật sự có thể học được thứ này, thứ nọ. Tâm địa thanh tịnh, chắc chắn là chẳng hời hợt, bộp chộp, người như vậy thì sẽ có thể dạy được!

Điều đó có nghĩa là người ấy có lòng thành kính, có lòng chân thành cung kính. Hễ chân thành, cung kính, cái tâm sẽ chẳng hời hợt, bộp chộp. Kẻ hời hợt, bộp chộp, sẽ chẳng có lòng chân thành, mà cũng chẳng có kính ý. Dầu cung kính, đó là giả trá, chẳng thật! Người sáng mắt vừa nhìn bèn thấy rõ ngay, thấy gì vậy? Thấy cái tâm của quý vị có thanh tịnh hay không, thấy quý vị có thật sự chân thành hay không. Nếu thật sự chân thành, thật sự rất trang trọng, ôn trọng, thầy nhất định sẽ chịu dạy quý vị. Thầy chẳng chịu dạy quý vị thì sẽ chẳng phải là bậc thiện tri thức thật sự. Một vị thiện tri thức thật sự suốt một đời chẳng có mong cầu chi khác, Ngài luôn hy vọng có thể gặp một học trò tốt đẹp hòng có thể truyền thừa đạo nghiệp do ngài đã học. Quý vị thấy tổ Đạt Ma gặp ngài Huệ Khả, đang khi Ngài tĩnh tọa nhập định, trời trong lặng, chưa đổ tuyết. Nay Tổ xuất Định, thấy tuyết đổ sâu như vậy, Huệ Khả vẫn đứng nơi chỗ đất ngập tuyết, lại còn chặt cánh tay để cúng dường. Từ chỗ này, quý vị thấy được điều gì? Thấy lòng thành của người ta, thấy lòng kính của người ta, thấy tâm người ta là định, chẳng phải là hời hợt, bộp chộp. Vì thế, Tổ chỉ điểm một câu, ngài Huệ Khả bèn thông suốt, hoá nhiên đại ngộ. Ngài ngộ nhập cảnh giới do Phật, Bồ Tát đã chứng nhập.

Kinh Bát Nhã đã giảng về cảnh giới ấy rất nhiều. Người đọc kinh Bát Nhã rất ít, chứ kinh Kim Cang và Tâm Kinh ắt ai nấy đã từng đọc, từng niệm rồi, cảnh giới ấy là cảnh giới ngộ nhập của tổ sư đại đức. Vừa mở đầu, Tâm Kinh bèn nói

đến chuyện trí huệ đã khai: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*” (Soi thấy năm uẩn đều không). Đối với ngũ dục lục trần trong thế gian, pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị sẽ tự nhiên buông xuống. Chương Gia đại sư nói “*chiếu kiến*” là “*thấy thấu suốt*”. Thật sự thấy thấu suốt, hiểu rõ, đó chính là giác. Chiếu kiến là giác, buông xuống là lìa hết thấy ác. Căn cội của hết thấy ác là gì? Thừa cùng chư vị, căn cội là vọng tưởng. Kinh luận Pháp Tướng đã nói: “*Do một niệm bất giác mà có vô minh. Vô minh sanh tam tế, tam tế sanh lục thô*”. Vì thế, vô minh là cội nguồn của hết thấy ác, không chỉ là cội nguồn của lục đạo và mười pháp giới. Sau khi đã thật sự ngộ, không chỉ là chẳng có lục đạo. “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi ba cõi rộng toang hoang), lục đạo và mười pháp giới đều chẳng có, triệt ngộ mà! Đây mới thật sự là lìa hết thấy ác, dẹp trừ gốc ác!

Chúng tôi thường giới thiệu điều này với các đồng tu, chúng tôi căn cứ trên lời dạy của đức Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật. Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Nói cách khác, trong mắt Phật, hết thấy chúng sanh, “*hết thấy chúng sanh*” ở đây không chỉ là hữu tình chúng sanh, mà còn bao gồm vô tình chúng sanh trong ấy. Nay chúng ta nói “*vô tình*” là nói đến gì vậy? Nói tới thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên đều được bao gồm trong ấy. Nay chúng ta chẳng có trí huệ, đức năng cũng chẳng có, tướng hảo cũng chẳng có, biến thành nông nổi ấy, phải biết nguyên nhân. Một câu nói của đức Phật đã cảnh tỉnh chúng ta, [nguyên nhân là do] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tuy Ngài chẳng nói đến phân biệt, tinh lược phân biệt, nhưng trong vọng tưởng luôn có phân biệt. Vọng tưởng là gì? Vô minh phiền não. Phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Đối với các đồng học đã có học tập Phật pháp, hẳn nói đến những danh từ ấy, chư vị đều hiểu rất rõ. Ba loại phiền não lớn, mỗi loại đều là vô lượng vô biên, đoạn chúng bằng cách nào?

Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay! Kinh chẳng dùng ba thứ danh từ phiền não ấy, mà dùng “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Chúng ta đọc kinh, nghe kinh, nghe nói theo kiểu ấy, dường như là hiểu được; thật ra, hoàn toàn chẳng thật sự hiểu! Nếu thật sự hiểu, vẫn là ba loại phiền não như kinh Đại Tiểu Thừa đã nói, nói rất cặn kẽ. Cách đoạn như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm là đại pháp viên đốn, giống như tổ Đạt Ma độ ngài Huệ Khả, như Ngũ Tổ độ Huệ Năng, đại pháp viên đốn mà! “*Một ngộ, hết thấy ngộ, một giác, hết thấy giác*”, đỡ tốn công lắm! Chuyển phàm thành thánh trong một niệm! Một niệm cũng chẳng dễ quay đầu đâu nhé, lũ bình phàm chúng ta chẳng làm được, chẳng chuyển nổi niệm ấy! Chẳng có năng lực chuyển được. Năng lực gì vậy? Chân thành đến mức tột bậc, chẳng có gì khác! Chúng ta là hư tình giả ý, chuyển cách nào cũng đều chẳng thể chuyển được! Người ta thành kính cùng cực, chuyển rất dễ dàng!

Chuyển nơi vọng tưởng; hẳn chẳng có vọng tưởng, đương nhiên là chẳng có phân biệt và chấp trước. Vọng tưởng là căn cội! Từ vọng tưởng sanh ra phân biệt, từ phân biệt sanh ra chấp trước. Quý vị bèn hiểu vọng tưởng là căn cội; dẹp trừ từ vọng tưởng, vấn đề bèn được giải quyết. Bí quyết truyền pháp trong Tông Môn ở ngay chỗ này. Vọng tưởng là gì? Tôi thường giải thích với các đồng học, dùng

lời lẽ nông cạn nhất, đơn giản nhất để quý vị dễ hiểu, tức là khởi tâm động niệm. Quý vị hãy ngẫm xem, nếu chúng ta có thể giữ sao cho sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài mà chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ là Phật, là Như Lai. Vừa mới khởi tâm động niệm, vô minh đã sanh. Vô minh sanh khởi, nhất định sẽ đẩy lên phân biệt, nhất định sẽ đẩy lên chấp trước. Càng đẩy, càng hồng hét!

Rèn luyện trong Tông Môn, chẳng phải là rèn luyện điều chi khác, mà là ngay trong lúc sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, bèn học chẳng khởi tâm, không động niệm. Chư vị phải biết, tôi nói “*học*” tức là đã khởi tâm động niệm, đúng không? Vì thế, chúng ta chẳng có cách nào học, ta vẫn phải học! Chẳng thể học ư? Chẳng thể học cũng là khởi tâm động niệm, phiền toái rồi! Rốt cuộc phải như thế nào thì mới được? Trong Tông môn có nói, “*hãy tham cứu*”. Chẳng có cách nào nói, mà cũng chẳng thể tưởng tượng được. Do vậy, “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xir diệt*”, thật sự giải quyết vấn đề. Nếu còn có ngôn ngữ, còn có tư duy, chẳng phải thấy đều là lại phân biệt, chấp trước đó sao? Vì thế, đối tượng truyền pháp của Tông Môn là bậc thượng thượng căn. Sáu căn của người thượng thượng căn ở trong cảnh giới sáu trần sẽ chẳng khởi tâm, không động niệm. Quý vị nói xem người ấy còn có ác hay không? Thiện còn chẳng có, lấy đâu ra ác? Thiện lẫn ác đều chẳng có! Thừa cùng chư vị, thiện trong thiện ác vẫn là ác, vì sao? Quý vị chấp trước điều thiện ấy, phân biệt điều thiện ấy, sẽ chẳng lìa khỏi lục đạo luân hồi, chỉ thọ sanh trong ba thiện đạo của lục đạo mà thôi! Đấy gọi là tâm tịnh, là Phạm Hạnh.

Chúng ta hãy ngẫm xem, đây chẳng phải là cảnh giới hiện tiền của chúng ta! Vì thế, Giáo Hạ khuyên mọi người hãy học từ nơi đâu? Học từ không chấp trước, điều này dễ học. Quả vị trong Phật giáo có ba bậc. Bậc nhất là Phật Đà, tức là quả vị đã thành Phật. Quả vị thứ hai là Bồ Tát, quả vị thứ ba là La Hán. Đây là ba quả vị tu chứng trong Phật môn. Người nào tu khá lắm, sẽ thành A La Hán. Thành A La Hán bằng cách nào? Đoạn trừ chấp trước. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị hãy ngẫm xem, người ấy còn khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm tức là người ấy còn có vọng tưởng, còn có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Đừng coi thường nhé! Chẳng có chấp trước, sẽ chẳng có lục đạo luân hồi! Vì thế, tuy người ấy chẳng vượt thoát mười pháp giới, người ấy đã vượt thoát lục đạo. Nếu chúng ta đối với hết thấy người, sự, vật, và hết thấy các pháp mà còn có chấp trước, quý vị phải biết chính mình chắc chắn ở trong lục đạo, chẳng thoát khỏi lục đạo. Vì sao? Chúng ta phải có sự cảnh giác này. Nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà có chấp trước nghiêm trọng đối với hết thấy người, sự, vật, sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh, đạo lý ở chỗ này. Ta thứ gì cũng đều chẳng chấp trước, có thể buông xuống chấp trước, niệm Phật vãng sanh sẽ chẳng có chướng ngại. Chẳng có chướng ngại đến mức độ nào? Thừa cùng chư vị, có thể tự tại vãng sanh, biết trước lúc mất, khi vãng sanh chẳng bị một tí đau khổ nào. Đau khổ đều là do chấp trước mà có! Chấp trước cái thân này, chấp trước người nhà, quyến thuộc, chẳng chịu buông xuống, cho nên khổ sở, đau khổ bèn đưa tới.

Đó gọi là “*sanh ly tử biệt*”. Do vậy, phải học thấy thấu suốt, buông xuống chấp trước, đừng nên chấp trước nữa.

Trong cuộc sống hằng ngày, hãy tùy duyên. “*Tùy duyên*” là thứ gì cũng đều tốt. Vì hết thấy chúng sanh làm chuyện tốt; làm chẳng thành công, cũng chẳng cần chấp trước. Vì sao? Chúng sanh chẳng có phước báo, chính mình chẳng có trí huệ. Nếu chính mình có trí huệ, đâu chúng sanh chẳng có phước báo, vẫn có cách đột phá. Nếu chính mình chẳng đủ trí huệ, chúng sanh lại chẳng có phước, khi có rất nhiều chương duyên đưa tới, sẽ chẳng thể đột phá. Điều này cũng là lẽ tự nhiên, cũng chẳng cần phải chấp trước! Đây là đột phá lục đạo, sanh vào tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, có vọng tưởng, có phân biệt. Nếu đoạn trừ phân biệt, sẽ thuộc vào Phật pháp giới trong tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới có bốn đẳng cấp là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Phật trong mười pháp giới chẳng rốt ráo. Vì thế, quý vị phải hiểu: Luôn rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Hễ có thể không phân biệt, bèn tận hết sức chẳng phân biệt. Hễ có thể chẳng chấp trước, bèn tận hết sức không chấp trước. Có đoạn chấp trước, phân biệt hay không? Chẳng đoạn, [chỉ là] giảm bớt. Giảm bớt thì vẫn tốt hơn [chấp trước, phân biệt] rất nhiều! Vì thế, tận hết sức giảm bớt chấp trước, giảm bớt phân biệt thì khởi tâm động niệm sẽ chẳng có bao nhiêu. Đây thật sự là “*một đoạn thì hết thấy đều đoạn*”. Do vậy, chúng ta đoạn phân biệt và chấp trước từng phần một. Đó là hằng ngày có tiến bộ, đó là công phu thật sự. Phiền não bớt một phần, trí huệ sẽ tăng trưởng một phần, đức tướng cũng tăng trưởng một phần, lợi ích rất nhiều!

Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, người thế gian cũng biết, nhưng họ chẳng hiểu rõ ràng! Có phải là người thế gian nói [như thế này] hay không? “*Tướng chuyển theo tâm*”. Thâm nhập một tầng sâu hơn, sẽ là “*mạng chuyển theo tâm*”. Tiên sinh Liễu Phàm đã hiểu “*mạng chuyển theo tâm*”, tâm tốt, mạng sẽ tốt; tâm tốt, tướng sẽ tốt đẹp. Hiểu đạo lý ấy, ông ta có thể cải tạo vận mạng của chính mình, có thể chuyển biến tướng hảo của chính mình. Ông ta đạt được phước báo trước mắt trong thế gian. Bất luận là cuộc sống vật chất hay cuộc sống tinh thần, ông ta đều hết sức hạnh phúc, vui sướng, mỹ mãn, ông ta đã hiểu đạo lý này. Đây là giáo dục nhân quả, luân lý, đạo đức. Thật sự có thể buông xuống phân biệt, chấp trước, trí huệ mở mang. Buông xuống càng nhiều, trí huệ thấu lộ càng nhiều, đạo lý là như thế đó. Vì vậy, quý vị chẳng thể không buông xuống! Nếu không buông xuống, sẽ vĩnh viễn chẳng thể khai trí huệ, vĩnh viễn chẳng đạt được tướng hảo.

Nếu công phu tăng tấn cao hơn, đây là do dụng công đã lâu, không nhất định là duyên nào sẽ được thúc đẩy thành tựu, lập tức buông khởi tâm động niệm xuống. Quý vị thấy Huệ Khả đại sư ở trước mặt tổ Đạt Ma, tổ Đạt Ma bảo: “*Dữ như an tâm cánh*” (Ta đã an cái tâm cho ngươi rồi). Từ ngay trong câu nói ấy, ngài Huệ Khả khai ngộ. Khai ngộ gì vậy? Đại triệt đại ngộ, tức là buông xuống khởi tâm động niệm. Không chỉ là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà trong sát-na chẳng có khởi tâm động niệm, sẽ khế nhập Nhất Chân pháp giới. Cảnh giới ấy chính là “*diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*” (phụ



mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục) của chính mình như trong Tông Môn đã nói, Ngài đã khế nhập. Khế nhập và sở chứng chẳng khác tổ Đạt Ma, chẳng khác chư Phật. Đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp cùng một lúc nhanh chóng hiện ra*”, đây là nhập cảnh giới.

Chúng ta nói đến tu hành thật sự thì là tu gì? Thật sự tu hành, người lợi căn tu hành sẽ là tu trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật, thấy thấu suốt chân tướng sự thật, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trừ những thứ ấy ra, chẳng có Phật pháp! Ngàn kinh muôn luận nói đến cuối cùng, đạt đến kết luận, chính là điều này. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là mê tín, ngay cả tiến sĩ Thang Ân Tỹ (Arnold Toynbee) cũng biết chuyện này. Tôi đọc sách của ông ta, thấy ông ta nói: “*Phật giáo là vô thân luận, Phật giáo là trí huệ, Phật giáo là đại học vấn*”. Khi tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, cụ đã bảo tôi: “*Phật giáo là triết học cao cấp*”. Cao đến mức độ nào? Cụ bảo tôi: “*Trên thế giới này, chẳng có gì cao hơn Triết Học trong kinh Phật*”. Tôi theo học Triết Học với cụ, sau đây, cụ còn bảo tôi: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Nghe câu nói ấy xong, rất động lòng, thế là tôi hướng theo Phật môn. Sau khi tôi xuất gia lại đến thăm cụ, cụ thấy tôi bèn nói: “Anh thật sự làm được! Tôi nói đúng mà!” Thầy giới thiệu [Phật pháp], hết sức hoan hỷ. Thầy bảo: “Anh đi theo con đường ấy là đúng, hoàn toàn chánh xác”.

Kể từ khi chúng tôi được thầy giới thiệu cho đến nay đã là năm mươi lăm năm, trong năm mươi lăm năm ấy, hằng ngày đọc kinh, hằng ngày học tập, tôi chẳng phải là kẻ lợi căn. Lợi căn là như ngài Huệ Năng, hoặc như ngài Huệ Khả, đó là bậc lợi căn. Công phu của tôi là như tôi thường nói, từ chấp trước, từ phân biệt mà buông xuống dần dần. Nhưng tôi một mực buông xuống, hằng năm buông xuống, hằng tháng buông xuống, hằng ngày buông xuống. Quá nhiều, buông chẳng hết! Nhưng hằng ngày buông xuống, hằng tháng buông xuống, cho nên tôi nói là những chúng sanh hoặc đồng học lưu ý một chút, những đồng học chú tâm sẽ có thể cảm nhận được, [những người như vậy] rất ít, chẳng nhiều, được mấy người! Họ nhận biết từ chỗ nào? Nghe từ nội dung giảng kinh của tôi. Đó là gì vậy? Mỗi tháng khác hẳn, chúng ta thường nói là “*tiến bộ*”, hằng tháng có tiến bộ. Hằng ngày có tiến bộ, họ chẳng dễ phát hiện. Hằng tháng có tiến bộ, sẽ dễ phát hiện. So sánh giữa tháng này và tháng trước, [sẽ thấy tháng này] giảng hay hơn, thấu triệt hơn tháng trước. Tháng sau lại giảng hay hơn tháng này.

Khi tôi cầu học nơi thầy Lý, thầy đã nói với tôi chuyện này. Tôi nghe thầy giảng kinh, buổi học đầu tiên bèn viết bút ký. Chư vị biết là khi ấy thầy giảng kinh mỗi tuần một lần. Buổi học thứ hai vào tuần thứ hai, tôi vẫn viết bút ký. Sau khi dạy xong buổi thứ ba, thầy gọi tôi vào phòng, hỏi: “Anh nghe kinh có ghi bút ký hay không?” Tôi thưa: “Có ạ!” “Anh viết để làm gì?” “Con sợ quên, thầy giảng những chỗ quan trọng con đều ghi lại”. Thầy bảo: “Có tác dụng chi đâu? Từ rày anh không cần viết nữa”. Tôi hỏi: “Vì sao ạ?” “Cảnh giới mỗi năm khác nhau. Tồn nhiều thời gian ngàn ấy để viết lăm thứ như thế, sang năm chẳng có một tí tác dụng nào!” Tôi ngẫm nghĩ thấy có lý, bèn chuyên tâm nghe, chẳng cần phải

chia trí để viết bút ký, thầy dạy tôi [như thế đó]. Do vậy, từ đây trở đi, tôi không viết bút ký nữa. Tôi theo học với thầy mười năm, chẳng có một quyển bút ký nào là vì lão nhân đã dạy tôi hãy chuyên tâm nghe. Nghe hiểu thì rất tốt, nghe không hiểu cũng chẳng sao. Lần sau lại nghe tiếp. Cách này hay tuyệt! Toàn tâm chăm chú, dốc toàn bộ tinh thần chăm chú nghe thầy giảng kinh, quý vị có thể khế nhập cảnh giới. Huấn luyện điều gì? Huấn luyện Giới, Định, Huệ. Viết bút ký sẽ bị phân tâm, có phân biệt, có chấp trước. Khi chuyên tâm nghe thì sẽ chẳng có, phân biệt, chấp trước đều tạm thời buông xuống, toàn tâm nghe thầy giảng diễn.

Nhưng đối với tôi, thầy dùng phương pháp này; đối với các bạn học khác, chẳng phải là phương pháp này. Những đồng học khác viết bút ký thầy chẳng hỏi tới. Đây là tùy theo mỗi người mà áp dụng cách dạy khác nhau, [bởi lẽ], căn tánh của mỗi người khác nhau. Phương pháp này là đối với kẻ có ngộ tánh thì phải dùng phương pháp này. Kẻ không có ngộ tánh, [chẳng phải là hạng] nghe nhiều nhớ dai, phải để cho họ viết bút ký. Rốt cuộc vẫn là người ghi bút ký đông hơn. Vì thế, thầy liễu giải học trò, phương pháp dạy học [đối với mỗi trò] khác nhau. Đây là nói làm thế nào để lìa hết thảy ác. Để thật sự lìa hết thảy ác thì phải lìa từ gốc, hiệu quả sẽ hết sức rõ rệt. Lìa từ Sự sẽ hết sức khó khăn. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

### ***Tập 1552***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba, tức phần Sở Ngộ Nhân Vật trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kế Tung. Xin xem từ bài kệ thứ mười lăm:

***(Kinh) Kiến khổ hạnh nhân, đương nguyện chúng sanh, y u khổ hạnh, chí cứu cánh xứ.***

***(經) 見苦行人。當願眾生。依於苦行。至究竟處。***

***(Kinh: Thấy người khổ hạnh, nguyện cho chúng sanh, nương vào khổ hạnh, đến chỗ rốt ráo).***

Phật pháp dạy mọi người “lìa khổ, được vui”, mọi người đều biết chuyện ấy. Nếu Phật pháp dạy người ta “lìa vui, được khổ”, có lẽ chẳng có ai học. Nhưng thuở đức Thế Tôn tại thế, đối với những kẻ tu khổ hạnh (chữ Hạnh (行) đọc giọng Khứ Thanh, đọc thành Hềng (tức Hạnh), phải hiểu là động từ, tức là tu khổ hạnh), Ngài đặc biệt tán thán. [Tán thán như vậy] có mâu thuẫn với những gì đức Phật đã dạy hay chẳng? Thừa cùng chư vị, chẳng mâu thuẫn! Nếu chỉ nhìn từ bề ngoài, dường như cách nói của đức Phật phạm lỗi mâu thuẫn, trên thực tế, lại là thành tựu lẫn nhau! Khổ, lìa khổ được vui, khổ là gì? Tam đồ khổ, lục đạo khổ! Trong lục đạo, nói đến nhân đạo, nay chúng ta đang thuộc trong nhân đạo, những gì được thấy nghe chính là cảnh giới Hiện Lượng, đây là sự thật. Quý vị nói đến cõi trời thì cõi trời là vui. Nói đến nỗi khổ trong địa ngục và trong đường ngạ quỷ, chúng sanh sẽ nói: “Chúng tôi chưa hề trông thấy, rất khó lãnh hội!” Nhưng Phật

pháp dạy quý vị chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, đức Phật giảng về mười pháp giới, giảng về quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu rõ chân tướng của vũ trụ, sẽ biến thành Phật pháp cao sâu, kẻ sơ học hoặc kẻ hiểu biết nông cạn sẽ chẳng thể lý giải. Vì sao đức Phật tán thán khổ hạnh? Ai nấy đều biết, bản thân chúng ta tập khí nghiệp chướng rất nặng, có ai chẳng mong mỗi chính mình tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng trí huệ? Hễ nói tới chuyện này, mọi người chẳng có ai là không mong muốn. Nhưng chư vị phải biết, cam tâm sống cuộc đời gian khổ, sẽ tiêu nghiệp chướng nhanh chóng nhất, tiêu trừ triệt để nhất. Điều này chẳng khó hiểu, chỉ trách chúng ta trong cuộc sống hằng ngày đã sơ sót, vô tâm, ơ hờ đối với chuyện này.

Đức Thế Tôn đối với nhân gian, cõi trời, giới nội, giới ngoại, Ngài xác thực đã chứng đắc phước báo viên mãn rốt ráo. Chúng ta đọc kinh Đại Thừa bèn thấy tướng hảo của đức Phật chẳng thể nói trọn hết được! Chúng ta thấy kinh Đại Thừa thường nói: *“Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo”*. *“Vô lượng”* là cách nói mông lung, ai cũng chẳng có cách nào nói rõ ràng, nhưng xác thực là trong kinh giáo đã thuyết minh cặn kẽ, *“vi trần tướng hải thân”*. Kinh Hoa Nghiêm còn nói minh bạch hơn, trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi đó, *“thập Liên Hoa Tạng vi trần số tướng hảo”* (tướng hảo có số lượng nhiều như số vi trần trong mười thế giới Liên Hoa Tạng), chúng ta thường thấy kinh nói là *“Hằng hà sa số”* (nhiều như số cát trong sông Hằng). Đây là nói theo nhân gian, nói theo đại thiên thế giới, chứ nói theo vũ trụ, chúng ta sẽ thường nói là *“biến pháp giới hư không giới”* (trọn khắp pháp giới hư không giới), Báo Thân có mười Liên Hoa Tạng thế giới vi trần số tướng hảo, chúng ta không có cách nào thấu hiểu. Hằng hà sa số đã chẳng có cách nào lãnh hội, thế giới vi trần số tướng hảo càng chẳng có cách nào lãnh hội, [thế mà] nay là mười Hoa Tạng thế giới vi trần số tướng hảo! Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này (trong thế giới này) còn phải tu khổ hạnh? Từ lúc thành đạo, ba mươi tuổi Ngài thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề, độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, thành lập Tăng đoàn, sống cuộc đời như thế nào? Giữa trưa ăn một bữa, qua đêm dưới cội cây, ba y một bát, đây là một bậc khổ hạnh. Vì lẽ gì mà đức Phật làm như thế?

Trong quá khứ, chúng tôi mới học Phật, khi mới xuất gia, nghi hoặc cũng rất nhiều. Lão hòa thượng dạy chúng tôi, chẳng nói rõ ràng. Ngài chỉ bảo chúng tôi: Thuở đức Thế Tôn xuất thế, Ấn Độ đúng là một quốc gia tôn giáo. Các môn phái tôn giáo rất nhiều. Những tôn giáo được nhắc đến trong kinh Phật đều là những tôn giáo nổi danh nhất, có chín mươi sáu thứ [tôn giáo]. Người tu hành trong mỗi tôn giáo đều tu khổ hạnh. Do đó, nếu đức Phật chẳng thị hiện khổ hạnh, nhất định sẽ bị đại chúng trong xã hội châm biếm, hủy báng, nói: *“Các người thấy pháp của chúng nó chẳng tu khổ hạnh, chúng nó muốn hưởng thụ”*. Vì thế, đức Phật ắt phải thị hiện giống như các tôn giáo khác, chỉ có hơn, chứ không kém. Như vậy thì mới có thể khiến cho đại chúng trong xã hội tôn kính, tín ngưỡng, tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật. Nói kiểu ấy cũng chẳng phải là vô lý, nhưng cách nói ấy rất nông cạn, vì luận định dựa theo tình huống xã hội đương thời để nói. Trên thực tế, ngôn hạnh và cử chỉ của đức Phật đáng gọi là *“đều có mặt*

nghĩa”, có ý nghĩa rất sâu trong ấy, thật sự lấy thân làm gương nhằm hóa độ, hướng dẫn chúng sanh.

Mật nghĩa gì vậy? Mật nghĩa là nhằm bảo chúng ta: Tam đồ khổ, lục đạo khổ, mười pháp giới khổ, những thứ ấy đều chẳng thật. Kinh Bát Nhã đã dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*phàm những gì có hình tướng*” bao gồm mười pháp giới, bao gồm hết thảy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới, phạm vi ấy quá to. Vì sao phải nói đến các cõi nước khác của chư Phật? Hết thảy cõi nước của chư Phật có mối quan hệ với chúng ta, mối quan hệ gì vậy? Có lúc chúng ta sẽ di dân sang bên đó. Khi nào thì sẽ di dân? [Khi] thế giới này hư hoại. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất rõ ràng. Đại thiên thế giới [trải qua các giai đoạn] thành, trụ, hoại, không, [tức là] bốn trung kiếp. Trong bốn trung kiếp, chỉ có một trung kiếp là có thể cư trụ, chứ ba [trung] kiếp khác đều chẳng thể cư trụ được! Chỉ có Trụ Kiếp là có thể cư trụ. Khi thế giới thành thì chẳng thể cư trụ, [bởi lẽ] thế giới mới vừa thành thì sẽ chẳng thể cư trụ. Hoại Kiếp thì chẳng thể trụ; thế giới này đã hư hoại, khá nhiều tôn giáo nói là “*tận thế*”. Thế giới bị hư hoại, sẽ chẳng thể sống trong thế giới ấy. Không Kiếp thì đương nhiên là chẳng thể trụ. Nhưng mỗi trung kiếp lại bao gồm hai mươi tiểu kiếp, thời gian rất dài.

Chúng ta biết người tu Thiên Định, tu đến Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, cho đến kể cả Tứ Không Thiên, thọ mạng đều luận định bằng kiếp. “*Kiếp*” ở đây là đại kiếp. Thế giới này “hoại” hoặc “không”, thọ mạng của họ còn chưa hết. Quý vị nghĩ xem thọ mạng của chư thiên trời Phi Tướng Phi Tướng Xứ là tám vạn đại kiếp, quý vị có biết lâu cỡ nào hay chẳng? “*Tám vạn đại kiếp*” nghĩa là thế giới Sa Bà này thành, trụ, hoại, không tám vạn lần. Trong một đại kiếp có một lần “thành, trụ, hoại, không”. Quý vị nói xem thọ mạng của họ dài cỡ nào! Vậy thì họ sẽ đến nơi đâu? Thế giới này hoại, kinh Phật thường nói, họ sẽ được dời qua thế giới khác, qua cõi Phật khác. Ở đây là hoại không, ở bên kia là thành, trụ, có thể di chuyển sang bên ấy. Trong tam đồ, nga quý, súc sanh, địa ngục, thọ mạng cũng tính bằng kiếp, họ đến nơi đâu để thọ quả báo? Thế giới này hoại, họ cũng đến thế giới khác.

Quý vị bèn hiểu, vô lượng vô biên các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới có mối quan hệ với chúng ta mật thiết dường ấy. Các cõi nước ấy đều là khu vực giáo hóa của Phật, Bồ Tát. Chúng sanh nơi nào có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ thị hiện, đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy. Trong phần trước, chúng ta vừa mới đọc, Thanh Lương đại sư đã khai thị mười loại ân đức ứng hóa trên thế gian của chư Phật Như Lai. Đây là đề cương, nếu nói chi tiết, sẽ chẳng thể nói hết được. Vì thế, con người chẳng thể không tri ân. Tri ân, báo ân. Kinh đã nói hết sức hay: Kẻ chẳng biết tri ân, sẽ gặp nhiều tai họa ngang trái. Kinh văn nói là “*hoạnh tử*” (橫死, chết bất ngờ, chết ngang xương). Chẳng biết ân, sau khi chết, nhất định đọa vào địa ngục, chẳng phải là nga quý hay súc sanh, mà chắc chắn là đọa địa ngục. Bởi lẽ, cái tội vong ân phụ nghĩa rất nặng.

Khổ hạnh, nhất là cam tâm vui lòng sống cuộc đời kham khổ, công đức ấy vô lượng. Công đức do đâu mà có? Nêu gương cho hết thảy chúng sanh, công

đức ấy to lớn. Quý vị thấy có chúng sanh nào bằng lòng chịu khổ hay chăng? Chẳng có! Vì sao con người tạo tội nghiệp? Do sợ khổ! Họ mong lìa khổ, được vui, nhưng chẳng hiểu đạo lý, mà cũng chẳng hiểu phương pháp. Giống như trong xã hội có những thanh thiếu niên, chúng ta ở bên cạnh nhìn vào, [sẽ thấy] họ tìm niềm vui trong cảnh khổ. “Trong cảnh khổ mà ngỡ là vui” là gì vậy? Tìm sự kích thích, hút thuốc phiện, chơi morphine. Vì sao họ làm vậy? Họ tưởng đó là lạc (vui thú). Lạc ấy chỉ là hết sức ngăn ngủi, tạm bợ. Đạt được một tí lạc ngăn ngủi, quý vị phải trả giá thống khổ cỡ nào! Chuyện này hết sức rõ rệt, vừa nói ra, mọi người đều biết. Mọi người chẳng biết là trong một đời này, niệm nào chúng ta cũng đều chẳng phải là mong cầu “lìa khổ, được vui” đó ư? Nghĩ trọn mọi phương pháp để thu được tiếng tăm, lợi dưỡng, thu được ngũ dục, lục trần, đây chẳng phải tham cầu hưởng thụ hay sao? Nói thật ra, chẳng khác lũ trẻ tuổi vô tri hút thuốc phiện!

Tâm quý vị bất thiện, hành vi bất thiện, phương pháp thủ đoạn bất thiện, tận lực làm chuyện tổn người lợi mình, dầu trước mắt đạt được chút lợi nhỏ, dầu quý vị đoạt được ngôi vua trong thế gian, vẫn là vì trong mạng quý vị sẵn có. Nếu trong mạng chẳng có, quý vị sẽ chẳng đoạt được! Trong mạng đã có, cần gì phải chiêm đoạt? Trong mạng mà có, chắc chắn sẽ chẳng vứt bỏ được. Đó là trong quá khứ đã tu tập, tích lũy thiện căn, phước đức; đời này, quý vị nhất định sẽ đạt được quả báo. Quý vị vô tri, chẳng hiểu chân tướng sự thật, liều mạng dùng mưu kế, dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để đạt được. Đạt được thì như thế nào? Vẫn là do trong mạng sẵn có, nhưng cái có sẵn trong mạng ấy đã bị chiết khấu, tổn giảm. Người Hoa đã nói, nói rất nhiều: “Trong mạng của quý vị có phước báo mười đời làm đế vương, trong nhà quý vị nhất định sẽ sanh ra mười vị hoàng đế, đời đời truyền thừa”. Trong nhà quý vị có phước báo một trăm vị đế vương, đó là do tổ tông tự mình tích phước to lớn, nhất định sẽ có một trăm con cháu truyền thừa, quý vị phải tin tưởng. Nhưng quý vị dùng thủ đoạn bất chánh để chiêm đoạt ngôi vua, dùng thủ đoạn bất chánh để bóc lột nhân dân, vậy là phước báo một trăm đời có thể chỉ còn sót lại mười đời, bị chiết khấu. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé!

Hoặc là có [trường hợp], đây cũng là thật, chẳng giả, phước báo của quý vị chẳng hiện hữu trong đời này, mà sẽ là trong đời kế, hoặc đời sau nữa, nhưng trong đời này, quý vị dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để đoạt lấy thì cũng đoạt được. Vốn là phước báo to lớn trong đời kế hoặc đời sau, hiện thời đạt được, biến thành phước báo nhỏ bé, tức là quý vị thúc đẩy phước báo của chính mình đến sớm, vẫn là phước báo của chính mình, nhưng hưởng thụ trước. Nói theo luật nhân quả, sẽ là “*lộc tận nhân vong*” (người hết lộc sẽ chết). Quý vị thấy phước mấy trăm đời, khi quý vị hưởng trước, một đời là hưởng hết sạch! Đã hưởng hết rồi, quý vị còn tạo tác rất nhiều tội nghiệp, làm hại những kẻ khác, người ta sẽ báo thù. Quý vị tước đoạt tài sản của kẻ khác, khi đến lúc, họ cũng sẽ đòi nợ, quý vị nói xem, phiền phức to lớn hay không? Vì thế, tôi thấy chuyện chẳng phải là đơn giản như vậy đâu nhé!

Ngày hôm qua, ở đây có một vị đồng tu, cũng là người làm công quả đã lâu năm tại đạo tràng chúng ta. Ngày hôm qua, [người ấy] đến gặp tôi. Có oán

thân trái chủ dựa thân người ấy, người ấy rất đau khổ. Oán thân trái chủ cho biết, đời trước oán thân trái chủ đã bị người ấy giết. Người ấy tuyệt đối chẳng bịa chuyện gạt gẫm tôi, rất nhiều người trong số quý vị đã trông thấy: Người ấy cũng chẳng phải là hạng bịa chuyện, đồn thổi. Oan gia đến đòi mạng, nhưng đời này, người ấy đã học Phật rất nhiều năm, tâm địa rất thiện lương. Con quý ấy cũng rất khó có, thấy người ấy [tốt lành như vậy], bèn chẳng nỡ lòng ra tay. Vấn đề hiện thời là quý đó vẫn ở trên thân người ấy, chẳng bỏ đi. Trong quá khứ chúng tôi đã gặp chuyện này vài lần, chúng tôi liễu giải. Sau khi quý đã đền [dựa thân] rồi, nó chẳng bỏ đi, nó hết sức mong muốn tu hành, [người ấy] đến hỏi tôi, hy vọng tôi giới thiệu một nơi để người ấy đến đó tu hành. Tôi giới thiệu người ấy đến núi Đông Thiên Mục, người ấy rất hoan hỷ. Chẳng giả! Oan có đầu, nợ có chủ! Đời này, một người được làm thân người trong thế gian này, bất luận quý vị có thân phận gì, bất luận địa vị nào, bất luận sống như thế nào, đều phải thật thà, chắc chắn là chẳng thể tổn hại chúng sanh. Đừng nói là chẳng thể tổn hại chúng sanh, [ngay cả] súc sanh cũng chớ nên tổn hại, chớ nên phá hoại hoàn cảnh tự nhiên.

Trong phần trước, chúng ta đã đọc kinh Hoa Nghiêm, [thấy kinh nói đến] thần núi, thần đất, thần sông, thần biển, thần cây, thần thảo mộc, thần lúa mạ, chúng ta đọc thấy quá nhiều [loại thần]. Núi, sông, đại địa, cỏ cây, rừng rậm có chủ hay không? Có chứ, quý thần làm chủ! Chúng ta muốn sử dụng những cây cối ấy, trong giới kinh, đức Phật đã dạy người xuất gia: Người xuất gia ở chốn núi rừng, nếu muốn chặt mấy cội cây để dựng lều tranh nhỏ thì được phép, nhưng phải nên như thế nào? Ba ngày trước đó, quý vị nhìn trúng mấy cây nào, quý vị phải cúng tế chúng nó, [tức là] cúng tế thần cây, cúng dường, tụng kinh, trì chú, triển khai đàm phán với thần cây. Tôi bắt đắc dĩ, muốn dựng lều tranh tu hành ở chỗ này, cần đến những vật liệu này, xin họ chuyển nhà. Chư vị phải biết, “thần cây” chẳng phải là cái cây ấy thành thần, mà là quý thần dựa vào cây ấy, coi như nhà của họ, họ ở chỗ đó. [Do vậy, phải] xin họ chuyển nhà. Đây là đúng pháp, chẳng đắc tội với họ, họ nhất định sẽ dọn đi.

Chúng tôi hiểu đạo lý ấy; do vậy, vài năm trước, [nói đúng ra là] ba năm trước, chúng tôi mua một ngôi nhà thờ ở Đồ Văn Ba (Toowoomba), Úc châu, mua hết mấy căn nhà bên cạnh. Có một căn nhà quá cũ nát, chúng tôi liền phá đi xây lại. Ngoài cửa có hai cây to. Chúng tôi đã cúng tế thần cây ấy từ ba hôm trước. Sau khi cúng bái xong, trong các đồng học, có một vị đồng học buổi tối nằm mộng thấy thần cây đến tìm người ấy, bảo [người ấy hãy nói với] những người xuất gia chúng tôi: Sau này, hãy cúng tế mời họ chuyển nhà, họ muốn chúng tôi phải làm sớm hơn, tức là trước đó bảy ngày. Thần nói thời gian ba ngày quá ngắn, [lần này] thần vẫn dọn đi, nhưng rất bận bịu, yêu cầu chúng tôi [báo trước] bảy ngày. Chúng tôi nghe tin tức ấy, suy ngẫm thấy rất có lý, vì sao? Tập khí của người Úc là tất cả hết thảy các động tác đều hết sức thông thả, chẳng giống người bên này làm việc luôn cầu hiệu suất, động tác luôn rất nhanh nhẹn. Người Úc xác thực giống như loài gấu không đuôi, chẳng chú trọng hiệu suất, đúng là bất luận làm chuyện gì cũng đều tà tà, quý vị giao thiệp với họ phải rất kiên nhẫn. Vì thế, quý thần, thần cây tại Úc cũng giống người Úc, nói ba ngày không được, phải là

bảy ngày, chúng ta hiểu được! Về sau, đương nhiên là hiện thời chúng tôi đang ở Úc, thường có chuyện xây dựng; sau đó, hề cần vật liệu, chúng ta biết là phải cúng tế họ trước bảy ngày. Há có phải là giả?

Phật môn chẳng thờ cúng quỷ thần. Cúng bái ở đây chẳng giống như trong tôn giáo, [tôn giáo] coi quỷ thần như Thượng Đế, coi như là chúa tể, Phật môn chẳng phải vậy. Cúng bái quỷ thần trong Phật môn thì quỷ thần là chúng sanh, là bằng hữu của chúng ta. Chúng ta đôi bên ở cùng một chỗ, cũng phải giao thiệp lễ độ với nhau. Họ chẳng phải là chúa tể, điều này có ý nghĩa khác biệt rất lớn so với tôn giáo. Vì thế, chúng ta làm những Phật sự siêu độ nhằm khuyên nhủ, hướng dẫn họ, chúng ta cùng nhau tu tập. Mục tiêu của Tịnh Tông là cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta cùng tu với nhau, cùng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Có Tịnh Độ hay không? Trong thế giới này, đức Thế Tôn giới thiệu [Tịnh Độ] cho chúng ta, lại còn nói với kẻ căn tánh trung hạ: “Có [Tịnh Độ], khẳng định là có”. Quý vị chấp trước có thì mới có thể vãng sanh. Nếu quý vị chấp trước “chẳng có [Tịnh Độ]”, sẽ chẳng thể vãng sanh. Nếu đức Phật nói với người thượng thượng căn, sẽ chẳng giống như nói với chúng ta. [Đối với] người thượng thượng căn, đức Phật nói như thế nào? Có Tịnh Độ hay không? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Có Tịnh Độ, có thế giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, có như thế nào? Do chính cái tâm của quý vị, do cái thức của quý vị biến, chẳng lìa tâm thức. Đây gọi là “*chân tánh*”.

Người thượng thượng căn là gì? Buông xuống phân biệt, chấp trước thì gọi là người thượng thượng căn. Chẳng buông xuống phân biệt và chấp trước thì là kẻ trung hạ căn. Vì thế, kẻ trung hạ căn vãng sanh Tịnh Độ là đời nghiệp vãng sanh. Pháp môn này rất đặc thù. Ngẫu Ích đại sư là một người rất lỗi lạc, Ngài đã thị hiện, nêu gương cho chúng ta. Ngài quy y pháp môn Tịnh Độ, lấy biệt hiệu là Tây Hữu Đạo Nhân. Tây (西) là phương Tây, Hữu (有) là hữu (có) trong hữu-vô, nhằm trực tiếp dạy rõ ràng cùng chúng ta, “Tây Phương là có thật”. Vì thế, Ngài tự xưng là Tây Hữu Đạo Nhân. Quý vị thấy Ngài chú giải kinh Di Đà, tức Di Đà Yếu Giải, phân lượng chú giải không nhiều lắm. Trong lời tựa, Ngài đã viết rất rõ ràng, chín ngày bèn viết xong. Cận đại, pháp sư Viên Anh có bộ [Di Đà Kinh Yếu Giải] Giảng Nghĩa, pháp sư Bảo Tĩnh có bộ [Di Đà Kinh Yếu Giải] Thân Văn Ký, đều là chú giải của bộ Yếu Giải. Trong quá khứ, chúng tôi cũng đã giảng cặn kẽ, lão cư sĩ Lưu Thừa Phù chép từ băng thâu âm thành một quyển giảng ký. Bộ sách Yếu Giải được Ân Quang đại sư tán thán tột bậc. Trong Văn Sao có chép lời tỏ Ân Quang đã nói: “*Dẫu cổ Phật tái lai viết chú giải cho kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn bản này được*”. Đây là tán thán tột bậc, chẳng có cách nào tán dương nữa!

Năm xưa, pháp sư Diễn Bồi đã đem vấn đề này hỏi tôi. Tôi tu Di Đà Tịnh Độ, còn Ngài tu Di Lạc Tịnh Độ, [tức là] Ngài cầu sanh về Đâu Suất Nội Viện. Ngài hỏi tôi: “Câu ấy của tỏ Ân Quang có phải là hơi quá lộ một chút hay chẳng?” Vị này cũng là một vị đại pháp sư giảng kinh. Tôi nói với Ngài, tôi thưa: - Lời tỏ Ân Quang đã nói tuyệt đối chẳng quá lộ tí nào! Nói thật ra, Ngài nói vừa đúng! Nay chúng ta biết, Ân Quang đại sư là Tây Phương thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán tỏ Ngẫu Ích như vậy, vị này là hạng người

nào? Nhưng suốt đời Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ thân phận. Chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát đã tán thán như vậy, chúng tôi nghĩ: Nếu ngài Ngẫu Ích chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai thì mới có thể chú giải hay như thế, thấu triệt như thế. Văn tự không nhiều lắm, nhưng từng câu, từng chữ đúng là ý nghĩa của A Di Đà Phật, ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni Phật, lẽ nào kẻ bình phàm có thể nói được ư?

Quý vị thấy Ngẫu Ích đại sư khiêm hư như vậy, Ngài cũng được coi là một vị Tăng khổ hạnh, đã vì chúng ta thị hiện, nêu gương cho chúng sanh thời Mạt Pháp: Trì giới niệm Phật. Thuở ấy, Ngẫu Ích đại sư cũng được mọi người xưng tụng là một vị luật sư. Ngài đồ công đốc sức rất sâu nơi giới luật, giống Hoàng Nhất đại sư vào đầu thời Dân Quốc. Hoàng Nhất đại sư cũng đồ công đốc sức rất lớn nơi giới luật. Những vị ấy đều làm cho chúng ta thấy: Trì giới niệm Phật thì quý vị mới có thể thật sự vãng sanh. Đức Phật dạy mọi người, căn tánh trung hạ thì thiên trọng sự tướng, còn bậc thượng thượng căn thì thiên trọng lý tánh, nhưng tánh và tướng như một, Lý và Sự chẳng hai. Chúng ta ắt cần phải hiểu điều này. Tuy hiểu rõ Lý, chẳng thể phớt bỏ Sự. Nếu chấp trước Lý, phớt Sự, sẽ là sai lầm đặc biệt to tát. Vẫn chẳng bằng không hiểu rõ Lý, mà chuyên môn chú trọng nơi sự tướng, sẽ thật sự có phần trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu chấp trước Lý, vứt bỏ sự tu tập nơi Sự, sẽ chẳng có phần trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư! Quý vị còn chưa thấu triệt Lý. Hễ thấu triệt, sẽ kiến tánh, đúng là vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Hiểu rõ Lý đôi chút, chẳng thấu triệt, sẽ vô dụng. Phải đến khi nào mới thấu triệt Lý? Thấu triệt lại là như thế nào? Chớ nên không biết điều này! Vì sao? Quý vị thường xuyên hồi quang phản chiếu, khám nghiệm chính mình, rốt cuộc ta có thấu triệt hay không? Thật sự thấu triệt, [sẽ là] “*nghe một, ngộ cả ngàn; một ngộ, hết thấy ngộ*”.

Ngày nào quý vị thật sự khai ngộ, sẽ giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông: Tất cả hết thấy các kinh điển quý vị đều thông suốt toàn bộ. Chúng ta biết Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa hề học kinh giáo. Quý vị thấy tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng thọ trì kinh Niết Bàn mấy chục năm, hằng ngày đọc tụng, đọc tụng rất thuần thục, [thế mà] chẳng khai ngộ. Bà thỉnh giáo ngài Huệ Năng, khi đó, ngài Huệ Năng vẫn mang hình tướng tại gia, chẳng thị hiện tướng xuất gia, vị tỳ-kheo-ni ấy là người xuất gia. Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở Hoàng Mai chỉ giã gạo trong phòng xay sát. Nói theo kiểu hiện thời, Ngài là người làm công quả, chẳng phải là người xuất gia, [thế mà] tổ sư truyền y bát cho Ngài. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng hoàn toàn chẳng biết, chỉ cảm thấy vị này rất hiểu Phật pháp, nói rất có lý, bội phục đến mức năm vóc sát đất, liền đem kinh Niết Bàn hướng về Ngài thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư bảo bà ta: “Bà hãy đọc cho tôi nghe”. Bà ta liền đọc, đọc xong, Huệ Năng đại sư giảng giải, bà ta khai ngộ. Nếu quý vị có năng lực ấy, chứng tỏ quý vị đã thật sự khai ngộ, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không có thứ gì chẳng thông đạt. Nếu chẳng đạt đến mức độ ấy, hãy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, phải tin thật sự có Tịnh Độ, đời này mới chẳng đến nỗi luống uổng!



Đối với thụy tướng vãng sanh, trong đời này tôi đã thấy mấy trường hợp, đứng mất, ngồi mất, lâm chung chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất. Hôm trước còn có một vị lão cư sĩ đến từ phương Bắc kể với tôi: Chồng của bà ta vãng sanh, bảy mươi tám tuổi, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, nói đi là đi. Bà ta chính mắt trông thấy, nay bèn sanh khởi tín tâm, kể với tôi là bà hãy còn có những thứ chẳng thể buông xuống được. Tôi bảo bà ta, hãy buông xuống! Thế gian và xuất thế gian toàn là giả! Một người có thể vãng sanh hay không, điểm then chốt là người ấy có buông xuống hay không. Nếu thật sự buông xuống, niệm Phật chắc chắn được vãng sanh. Bà ta kể hôm chồng bà vãng sanh, ông còn kéo tay bà, bảo bà: “Hãy nhìn xem! Hai bên đường toàn là hoa sen”. Ông bảo bà như vậy, nhưng bà chẳng thấy, chồng bà thì thấy. Khoảng một, hai giờ sau, ông ra đi. Những chuyện chúng tôi đích thân mắt thấy, tai nghe rất nhiều, chẳng phải là giả.

Vì thế, đối với hết thảy các kinh luận, chúng ta mở ra mà còn có nghi hoặc, còn chẳng thể thông đạt, chẳng hiểu rõ, [tức là] chẳng ngộ! Bình thường nói đến “ngộ”, đó là tiểu ngộ, chẳng phải là đại triệt đại ngộ. Tiểu ngộ và đại ngộ đều vô dụng, vì sao? Chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi. Người đại triệt đại ngộ có thể thoát ly lục đạo luân hồi, đến chỗ nào? Đến tứ thánh pháp giới, chẳng phải là đến thế giới Cực Lạc, phải hiểu chuyện này! Nay chúng ta nói “*hằng ngày có ngộ xư*”, chính là tiểu ngộ. Cổ đức thường nói “*tích tiểu ngộ thành đại ngộ*”, nay chúng ta thực hiện công phu này, tích đại ngộ thành triệt ngộ, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong một vạn người, đại khái chẳng tìm được một ai! Ất cần phải làm. Điều then chốt là có thể ngộ hay không. Thừa cùng chư vị, khổ hạnh là một nhân tố rất trọng yếu; vì sao? Người cam tâm tình nguyện sống cuộc đời kham khổ, sẽ chẳng có dục vọng. Nghiêm trọng nhất trong các phiền não chính là ái dục. Thứ này khó đoạn lắm! Cam tâm tình nguyện sống cuộc đời kham khổ, tập khí ái dục liền mỏng bớt. Đây là chuyện tốt.

Vì lẽ ấy, thuở đức Thế Tôn tại thế, đã vì chúng ta thị hiện. Quý vị nhìn lại các vị thánh hiền thế gian. Tại Trung Hoa, quý vị hãy nhìn vào Khổng Tử, nhìn vào Mạnh Tử. Quý vị thấy một học trò của Khổng Tử là Nhan Hồi, vị này thường được phu tử tán thán. Nhan Hồi là một vị tăng khổ hạnh, cơm đựng trong giỏ, nước đựng trong bầu, sống cuộc đời kham khổ nhất. Hiện thời, trong thế gian này, một số ít, chẳng nhiều, những người thật sự tu hành, sống trên núi, chẳng xuống núi, ở trong lều tranh. Ở bên cạnh chiếc lều tranh của mình, bèn trồng một ít rau, giữa trưa ăn một bữa, há có thứ gì ngon miệng? Thế mà họ trường thọ, khỏe mạnh. Quý vị thấy cụ Hứa Triết ở Tân Gia Ba, năm nay đã một trăm lẻ tám tuổi. Khi cụ một trăm lẻ một tuổi, đã đến chỗ tôi xin quy y. Mỗi ngày bà cụ ăn một bữa, bà ăn rau sống, một chút cơm, chẳng có dầu, chẳng có muối, chẳng có đường, những thứ gia vị gì bà cụ đều chẳng ăn. Rau sống thì bà dùng nước sôi chần qua một chút. Sống cuộc đời ấy, bà cụ sống [như vậy đã] vài chục năm, thân thể hết sức khỏe mạnh. Cụ đã vì chúng ta thị hiện, nghe nói hai hôm nay, cụ sang Thượng Hải. Một trăm lẻ tám tuổi mà còn đi khắp nơi. Quý vị thấy cụ suốt đời chăm sóc hai mươi mấy người già. Thật ra, những người già đó toàn là bảy, tám mươi tuổi, còn bản thân cụ là một trăm lẻ tám tuổi, chăm sóc những người già bảy, tám mươi

tuổi, chăm nom hơn hai mươi người. Vì thế, cụ bảo người khác, cụ là “thanh niên một trăm lẻ tám tuổi”!

Lũ người thế gian chúng ta lại sợ thứ này chẳng đủ dinh dưỡng, sợ thứ kia không đủ dinh dưỡng, kết quả là như thế nào? Kết quả là thật sự đều chẳng đủ. Vì sao? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng! Quý vị thường nghĩ nó không đủ, làm sao nó đủ cho được? Giống như cụ Hứa Triết, giống như đức Thế Tôn và các vị đệ tử của Ngài, thứ gì cũng chẳng nghĩ đến. Thứ gì cũng chẳng nghĩ đến thì sẽ đều đủ, vấn đề gì cũng đều chẳng có. Chúng ta chớ nên không biết điều này. Vì thế, thấy người khổ hạnh, tự nhiên Bồ Tát sẽ dẫn khởi đại nguyện, hy vọng vĩnh viễn “*y u khổ hạnh*” (nuơng vào khổ hạnh), tự hành, hóa độ người khác đạt đến chỗ rốt ráo. Chỗ rốt ráo của chúng ta chính là vãng sanh Tịnh Độ, đây là chỗ rốt ráo của chúng ta. Sau khi đã đến Tịnh Độ, nhất định sẽ chứng Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, chẳng cần đến đời thứ hai, [mà là] thành tựu ngay trong một đời. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ kế tiếp là bài thứ mười sáu:

***(Kinh) Kiến thao hành nhân, dương nguyện chúng sanh, kiên trì chí hạnh, bất xả Phật đạo.***

***(經) 見操行人。當願眾生。堅持志行。不捨佛道。***

***(Kinh: Thấy người tu luyện, nguyện cho chúng sanh, giữ vững chí hạnh, chẳng bỏ Phật đạo).***

Bài kệ này cũng là khi ra khỏi cửa, trong phần trước đã nói là đi khát thực, [trông thấy] những nhân vật có thể gặp gỡ trên đường. Ở đây là người như thế nào? Giữ vững giới luật, người có tu luyện, chúng ta thường nói là “*nghiêm trì giới luật*”. Ra cửa trông thấy [người như vậy] bèn dẫn phát đại nguyện, “*dương nguyện chúng sanh, kiên trì chí hạnh*” (nguyện cho chúng sanh, giữ vững chí hạnh). “*Chí*” (志) là chí hướng, “*hành*” (行) là hành vi. “*Bất xả Phật đạo*” (chẳng bỏ Phật đạo): Có chí hướng làm Phật. Nói cách khác, tâm, ngôn ngữ, và thân của chúng ta, [hay nói cách khác là] “*thân, ngữ, ý*” nhất định phải giống như Phật. Tâm Phật là Thiên, Phật ngôn là giáo, Phật thân là giới luật. Vì thế, Thiên, Giáo, Giới là Phật đạo, thời thời khắc khắc chẳng thể vứt bỏ, người như vậy có ai chẳng thành tựu? Không chỉ là thành tựu, lại còn khẳng định là sẽ thành tựu ngay trong một đời, chẳng đợi đến đời kế tiếp hay đời sau. Phạm là còn có thể kéo dài đến đời kế tiếp hay đời sau, đều là do đời này chí hạnh tu hành chẳng vững chắc, mới luống uổng thời gian trong đời này, thậm chí bỏ phí. Chuyện này hết sức đáng tiếc.

Chúng ta có mong thành tựu ngay trong một đời này hay không? Bài kệ này chính là mấu chốt. Phần trước dạy chúng ta phải nuơng theo khổ hạnh. Thuở ấy, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, đã răn dạy đệ tử, vì ngài A Nan hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo: “*Khi đức Phật trụ thế, mọi người tôn Phật là*

thầy. Sau khi đức Phật đã nhập Bát Niết Bàn, chúng con lấy ai làm thầy?” Đức Phật nói hai câu: “*Dĩ khổ vi sư, dĩ giới vi sư*” (Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy). Chỉ cần quý vị có thể chẳng bỏ khổ hạnh, giữ vững giới luật, sẽ chẳng khác gì Phật đang tại thế. Vì thế, đức Phật suốt đời thị hiện khổ hạnh. Dầu quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ quy y cúng dường, đức Phật vẫn khát thực, vẫn là ba y một bát. Cúng dường vườn rừng, tinh xá, chỉ dùng để giảng kinh, dạy học mà thôi, quyết định chẳng coi những thứ đó là tài sản của chính mình, chẳng hề có! Đức Phật là xuất gia thật sự. Người xuất gia nếu còn có tài sản, xuất gia ở chỗ nào? Luận định khất khao sự thật, quý vị ra khỏi cái nhà nhỏ, vì đất đai, nhà cửa của quý vị chẳng to cỡ đó. Quý vị ra khỏi cái nhà nhỏ để vào một căn nhà to. Trụ trì một ngôi tự viện, tự viện ấy biến thành nhà của quý vị, diện tích đất đai, điện, đường, phòng ốc to hơn nhà của quý vị rất nhiều. Quý vị lại vào một cái nhà to hơn! Nhà nhỏ chướng ngại quý vị liễu sanh tử, thoát tam giới; nhà to càng chẳng cần phải nói nữa! Chúng ta phải thấy thấu suốt, thấy rõ ràng điều này, Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia làm như thế nào, chúng ta phải học tập theo Ngài.

Thuở ấy, đối với các thứ cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, đức Phật chẳng lấy một phân, một mảy nào, chỉ là mượn chỗ của họ. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “*mở lớp dạy học*”. Quý vị cung cấp nơi chốn, được lắm, chúng tôi mở [khóa học] ngay tại cơ sở này của quý vị. Giảng xong xuôi, giảng xong khóa học ấy, sẽ ra đi, chắc chắn chẳng lưu luyến. Vì thế, nay chúng ta nói là “*mở lớp dạy học*”, mọi người sẽ dễ hiểu. Có chỗ đức Phật chỉ giảng một bộ kinh, nay chúng ta nói là một đơn nguyên (đơn vị, unit). Có những chỗ, đức Phật giảng mấy bộ kinh, như Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên đại khái là chỗ được giảng kinh nhiều nhất trong các nơi chốn. Ngài giảng mười mấy bộ kinh ở nơi ấy. Tại núi Linh Thứu, trên núi Linh Thứu chẳng có nhà cửa, dưới cội cây to, học trò vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật nghe giảng dạy, chẳng có bàn, ghế, đều ngồi dưới đất trên cỏ. Mở lớp dạy học như vậy, trong đời đức Thế Tôn chiêm thời gian dài nhất. Có tinh xá, có phòng ốc là do người khác cung cấp, rất ít! Đức Phật chẳng có mảy may lưu luyến, tùy duyên, thứ gì cũng đều tốt đẹp, chẳng có gì không tốt. Trong ấy có một đạo lý rất sâu, kinh Lăng Nghiêm bảo: “*Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống Như Lai*”.

Đức Phật ở bất cứ chỗ nào, cảnh giới đều là cảnh giới Phật. Ở nơi đồng trống, mọi người trải đồ lót ngồi thẳng xuống đất. Nơi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, mùa Đông có rét mướt hay không? Mùa Hè có nóng bức hay không? Chúng ta biết Ấn Độ là xứ nhiệt đới, chẳng có mùa Đông, cho nên ba y một bát là đủ. Có gặp mưa, móc, gió, sương hay không? Chúng ta tin tưởng điều này. Đức Phật dạy học ở nơi đó, ngoại trừ đại chúng và thánh chúng mà chúng ta có thể thấy bằng nhục nhãn, còn có [những chúng sanh] mà nhục nhãn của lũ chúng ta chẳng thấy, nhưng từ Tu Đà Hoàn trở lên thì có thể trông thấy. Tu Đà Hoàn là Tiểu Thừa Sơ Quả, công phu đoạn chứng của Ngài bằng với hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín như trong kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa đã nói. Đối với Lục Thông, Ngài đạt được hai món là Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông. Nói cách khác, Ngài có thể trông thấy trời, rồng, quỷ thần cũng đang vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật

nghe kinh. Có nhiều trời, rồng, quý thần ngàn ấy, khẳng định là mưa hòa gió thuận, hiện thời nói là khí hậu tốt nhất. Bất luận đức Phật đến nơi đâu, quý vị thấy núi, sông, đại địa đều là hết sức cát tường, hết sức hòa thuận, chẳng có gió mưa, chẳng có chướng ngại, chúng ta có thể tưởng tượng điều này. Vì sao? Những người đến nghe giảng kinh đều là thiện nhân, kinh nói là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, họ chẳng tạo tội nghiệp.

Không chỉ là đức Phật bảo chúng ta, “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, hiện thời, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, khiến cho chúng ta từ phương pháp khoa học đã thấu hiểu “cảnh giới bên ngoài thật sự chuyển theo ý niệm của chúng ta”. Chúng ta có ý niệm tốt đẹp, tức là thiện niệm thì núi, sông, đại địa, hết thấy vạn vật, chẳng có vật gì không tốt lành. Nếu ý niệm của chúng ta bất thiện, sẽ chẳng có vật gì là thiện! Trước kia, đức Phật đã nói, khoa học gia hiện thời đã chứng minh, có thể chẳng tin tưởng hay sao? Đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa!

Những người tu hành, những người thật sự có tu luyện, tôi tin mục tiêu của họ là mong đạt được thành tựu ngay trong đời này, thành tựu Phật đạo. Phật đạo là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi đã thừa trình cùng chư vị đồng học: Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thành Phật. Dầu chẳng buông xuống vọng tưởng được mà có thể buông xuống phân biệt và chấp trước thì là Bồ Tát. Nếu phân biệt cũng chẳng có cách nào buông xuống được, nhưng buông xuống chấp trước thì cũng là khó có, chứng A La Hán. Vì thế, Phật, Bồ Tát, La Hán là do con người tu thành, vì sao biết? Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất rõ ràng: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Lời này đã nói rõ ràng dường ấy, chỉ cần chúng ta trừ bỏ, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trí huệ và đức tướng của Như Lai sẽ hiện tiền, quý vị sẽ thành Phật. Vì thế, điều then chốt là quý vị có buông xuống hay không, then chốt ở chỗ này!

Quý vị thật sự phát tâm tu, có thể giữ vững chí hạnh hay chẳng? Điều then chốt là kiên trì (giữ vững), “*kiên*” (堅) là kiên quyết, “*trì*” (持) là giữ gìn, dầu một sát-na cũng chẳng để mất đi! Nói theo cách hiện thời, “*chí*” là nguyện vọng, “*hạnh*” là hành vi nơi ba nghiệp. Đốc chí nơi Phật đạo, Phật đạo là trí huệ viên mãn rốt ráo. Trí huệ viên mãn rốt ráo chẳng đến từ bên ngoài, bên ngoài chẳng có đâu nhé, tự tánh vốn trọn đủ. Tự tánh do đâu mà có? Tự tánh do từ đại định mà đắc, kinh Lăng Nghiêm gọi môn đại định ấy là “*Thủ Lăng Nghiêm đại định*”. Thủ Lăng Nghiêm đại định là Định vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải do từ bên ngoài mà có. Tự tánh của quý vị vốn định, hiện thời cũng chẳng động, hiện thời bị dao động là gì? Cái bị dao động chẳng phải là tự tánh, mà là gì? Là vô minh, là vọng tưởng, là phân biệt, là chấp trước, những thứ ấy động, chúng tuyệt đối chẳng thuộc trạng thái tĩnh. Tập khí phiền não động, vì sao? Nó do vô minh biến hiện ra, vô minh là động, nhưng minh thì bất động. Minh là chiếu, tức chiếu kiến, chiếu kiến sẽ bất động giống như nước. Chúng ta đi chơi xa, thấy cảnh sắc núi hồ xinh đẹp. Tại Trường Giang và Hoàng Hà chẳng thấy hiện tượng ấy, nhưng nơi hồ, ao, sẽ thấy hiện tượng này.

Hai tuần trước tôi có cơ duyên như vậy, đến Lệ Giang tỉnh Vân Nam ở lại hai ngày. Tại Lệ Giang, trông thấy cái hồ thanh tịnh chẳng bị ô nhiễm. Nước hồ bình lặng, chẳng nổi sóng, giống như một tấm gương, núi Ngọc Long phản chiếu trong hồ, giống như soi gương, rành rẽ, rõ ràng, chiếu kiến đầy! Tâm chúng ta vốn thanh tịnh, vốn bình đẳng, vốn giác ngộ, lại thua cùng chư vị, vốn là từ bi, chưa hề bị dao động, chẳng bị nhuốm bẩn, đó là chân tâm của chúng ta, đó là Phật đạo! Vì sao hiện thời chúng ta lâm vào nông nổi này? Trong kinh, đức Phật thường bảo: “*Do chẳng tuân thủ tự tánh*”. Khi nào chẳng tuân thủ tự tánh? Ngay trong hiện tiền, hiện tiền quý vị có vọng niệm, vọng niệm là vọng tưởng. Quý vị có phân biệt, có chấp trước, có phiền não, có tập khí, những thứ ấy thấy đều là không tuân thủ tự tánh mà biến hiện. Trong tự tánh vốn chẳng có những thứ ấy!

Đức Phật nhọc nhằn dạy dỗ chúng ta, dạy gì vậy? Dạy chúng ta quay đầu, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói, nói quá hay, đơn giản, rõ ràng, người tu hành thành Phật như thế nào? Mấu chốt quan trọng nhất chính là lấy cái tâm chẳng sanh diệt để tu nhân thì sẽ thành công. Vì sao phàm phu tu hành chẳng thể thành tựu? Họ dùng cái tâm sanh diệt làm cái gốc để tu nhân. Vì thế, tu vô lượng kiếp vẫn chẳng thể thành tựu. Lời này đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Điều này cũng là nói rõ: Quý vị tu hành mà chẳng buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vậy thì vô lượng kiếp, tam đại A Tăng Kỳ kiếp, quý vị vẫn chẳng thể thành tựu. Nếu quý vị dùng cái tâm chẳng sanh diệt làm nhân, tức là cái nhân để tu hành, quý vị sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề ngay trong đời này. Trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đã nêu ra điều này: Tu hành theo kinh Lăng Nghiêm thì quan trọng nhất là “*bỏ Thức dùng Căn*”! Thức là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là Thức. Căn là gì? Tánh nơi Căn. Đối với sáu căn, nơi Nhãn Căn thì là tánh Thấy của Nhãn Căn, tánh Nghe nơi Nhĩ Căn, tánh Ngửi nơi Ty Căn, tánh Nếm trong Thiệt Căn. Tánh chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nhưng Thức thì có. Vì thế, hiện thời, những kẻ tu hành bình phàm dùng gì để thấy? Dùng Nhãn Thức để thấy, dùng Nhĩ Thức để nghe, dùng Ty Thức để ngửi, dùng Thiệt Thức để nếm. Trong ấy còn có phân biệt, chấp trước. Nếu đổi ngược lại, chúng ta dùng Tánh bên trong Căn, dùng Tánh sẽ toàn là chiếu kiến. Dùng Tánh để thấy, tức là dùng tánh Thấy để thấy, dùng tánh Nghe để nghe, dùng tánh Ngửi để ngửi, dùng Thiệt Tánh để nếm, người ấy bèn thành Phật.

Quý vị thấy chỗ sai biệt giữa chúng sanh và Phật, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Quý vị có thể buông tâm ý thức xuống. Tâm là vọng tưởng, Ý là chấp trước, Thức là phân biệt, hãy buông tâm ý thức xuống, đừng dùng tâm ý thức, tức là chẳng dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chỉ cần buông xuống những thứ ấy, sáu căn của quý vị sẽ sử dụng Tánh, tức là tánh Thấy, tánh Nghe, tánh Ngửi, tánh Nếm, đều là tánh, chẳng phải là Thức. Cảnh giới bên ngoài biến đổi, thật sự là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, mắt quý vị thấy sắc bên ngoài, đó là gì? Sắc Tánh, chẳng phải Sắc Trần. Nhãn Thức thấy Sắc Trần, còn tánh Thấy sẽ thấy Sắc Tánh. Hễ thấy Sắc Tánh, nghe Thanh Tánh, thì gọi là “*minh tâm kiến tánh*”. Tông Môn nói hay lắm: “*Kiến tánh thành Phật*”. Đức Phật dạy mọi người, nói thật ra, chẳng giấu diếm mảy may, cổ nhân nói là

“*hòa bàn thác xuất*” (和盤托出, giải bày trọn hết), chẳng giấu diếm tí ti nào, toàn bộ đều trao cho quý vị. Quý vị có muốn tiếp nhận hay không? Quý vị có thấu hiểu hay không? Quý vị thật sự nghe hiểu, lãnh hội, ý niệm vừa chuyên, phàm phu bèn thành Phật. Vì thế, phàm hay thánh xác thực là trong vòng một niệm. Chẳng chuyên được, tức là tập khí quá nặng, phiền não quá sâu!

Nhưng đối với những giáo huấn ấy, chúng ta nghe, đọc, giống như một tia chớp, tuy rất ngắn ngủi, tạm bợ, một niệm ấy chính là tánh quang. Tánh quang chợt hiện, giống như tia chớp. Khó có lắm! Trước nay chưa hề lóe tia chớp, nay đã lóe một lần. Hy vọng từ rày trở đi, số lần chớp lóe sẽ nhiều, dần dần dày đặc, từ tia chớp lóe biến thành thường quang, quý vị bèn thành tựu. Như thế nào thì mới có thể giúp chính mình tăng tấn, từ tia chớp lóe tăng cao hơn thành thường quang? Kiên trì chí hạnh, điều này rất trọng yếu. Lại thừa cùng chư vị rõ ràng hơn một chút. Kiên trì khổ hạnh, kiên trì trì giới. Quý vị chẳng thực hiện từ chỗ này, sự kiên trì của quý vị sẽ là hữu danh vô thực. Thực hiện từ chỗ nào? Nay tôi khuyên các đồng học hãy thực hiện từ Đệ Tử Quy, thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, thực hiện bằng Thập Thiện Nghiệp, đó là cơ sở của ba nhà Nho, Thích, Đạo. Quý vị chẳng thực hiện từ nơi ấy, sẽ chẳng làm được! Phải thực hiện từ chỗ dễ dàng nhất, chớ nên [thực hiện từ chỗ] rất khó, hãy từ khó đến dễ, từ cạn đến sâu, tuân tự tiến dần dần, sẽ thành công.

Vì thế, nói chung phải biết căn cội của Nho, Thích, Đạo. Ba thứ ấy chính là căn cội của Nho, Thích, Đạo, chính mình nhất định phải làm cho tốt. Quý vị dạy người khác, có những người vừa nghe nói bèn rất hoan hỷ, nghe một, hai tháng, bèn ngã lòng, một năm, hai năm, họ sẽ chẳng đến nữa. Cổ nhân gọi cách học theo kiểu ấy là: “*Học Phật nhất niên, Phật tại nhân tiền. Học Phật nhị niên, Phật tại thiên biên. Học Phật tam niên, Phật hóa vân yên*” (Học Phật một năm, Phật ở trước mắt. Học Phật hai năm, Phật ở trên trời. Học Phật ba năm, Phật hóa thành mây, khói), [lòng hăng hái] chẳng còn nữa, đã biến thành iu xiu. Trong xã hội hiện thời, hiện tượng này hết sức phổ biến, là hiện tượng thường thấy! Làm như thế nào? Hãy hồi quang phản chiếu! Tổ tiên đã dạy chúng ta: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có điều gì chẳng làm được, hãy xét lại chính mình). Vì sao có những người vừa nghe bèn chạy mất? Vừa mới nghe mấy hôm, hoan hỷ khôn cùng, bị cảm động mắt đẫm lệ, dần dần trốn mất. Đây là vì bản thân ta chẳng làm được!

Vì sao thời cổ vua Nghiêu, vua Thuần dạy người khác, suốt đời người ta chẳng chạy trốn? Hằng ngày đều đi theo, hằng ngày chẳng bỏ! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học, các đệ tử thường tùy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, suốt đời chẳng lìa bỏ, đều chẳng bỏ đi. Do nguyên nhân nào? Chính mình đã làm được! Vì thế, giáo học trong hiện thời, trước hết, chính quý vị phải thừa nhận, bản tánh của chúng sanh vốn lành, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Đầu tiên, quý vị phải thừa nhận điều này. Quý vị cũng chớ nên nói: “*Họ chẳng có thiện căn, chẳng có phước báo, nghe vài ngày rồi không đến nữa, chẳng có thiện căn*”. Sai mất rồi, suốt đời quý vị sẽ chẳng thành công. Làm sao quý vị có thể trách móc kẻ khác

cho được? Quý vị phải nghĩ chính mình tu không đủ tốt đẹp, chính mình giảng chẳng đủ hay; do đó, người ta bỏ đi mất!

Một bộ kinh, cùng là một bộ kinh, chẳng hạn như bộ kinh A Di Đà, giảng một lần đương nhiên mới mẻ, hai lần, ba lần thì vẫn còn được, chứ mười lần hay tám lần sẽ nghe chẳng vô, vì sao? Ta đã nghe rồi, ta nghe đã rành quá rồi, chẳng cần nghe nữa. Vì sao khi Phật, Bồ Tát giảng, chúng sanh chẳng chạy mất? Nguyên nhân nào? Quý vị phải biết, Phật, Bồ Tát giảng kinh mỗi lần đều khác nhau, luôn có điều đáng để nghe. Quý vị giảng kinh mỗi lần đều giống hệt như nhau, nghe một lần xong có còn muốn nghe lần thứ hai hay không? Vì sao các Ngài giảng mỗi lần khác nhau? Công phu tu hành tăng tấn mỗi ngày, phiền não mỗi ngày nhẹ hơn, trí huệ mỗi ngày tăng trưởng, cho nên các Ngài giảng khác hẳn, tức là mỗi lần đều có cái đáng để nghe, đều có thể thu hút người khác, cho nên thành công. Vì thế, quý vị phải quay lại xét mình, chớ nên chê trách kẻ khác chẳng có thiện căn, chẳng có phước báo, [nếu chê trách] thì đã hoàn toàn sai mất rồi. Chính mình sai lầm, chẳng biết lỗi lầm ở đâu, chỉ biết trách móc kẻ khác!

Đức Phật nói rất hay, *“chẳng thể tự độ, làm sao có thể độ người khác?”* Quý vị muốn dạy kẻ khác, trước hết phải dạy chính mình cho tốt đẹp. Vì thế, làm thầy khó lắm! Vì sao thầy thời cổ được người ta tôn trọng dường ấy? Đạo lý ở chỗ này. Thầy là người tu hành, tu gì? Sửa đổi làm lỗi nơi tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của chính mình, hằng ngày đều sửa đổi, hằng ngày đều sửa lỗi. Vì thế, họ giảng một bộ kinh mà luôn luôn mới mẻ, có thể sâu, có thể cạn, có thể giảng dài, có thể giảng ngắn, chẳng có thứ gì không đặc sắc, không tinh vi. Đạo lý ở chỗ này! Bản thân quý vị chẳng thật sự tu hành, [nói đến] tu hành thì chẳng có gì khác: Đoạn phiền não, chẳng cần cầu tăng trưởng trí huệ. Hễ phiền não đã đoạn, trí huệ sẽ tự nhiên khai, đạo lý ở ngay chỗ này! Vì thế, Phật pháp đúng là kẻ đã hiểu sẽ thấy chẳng khó, kẻ thấy khó khăn tức là chẳng hiểu! Quý vị cảm thấy rất khó, tức là quý vị chẳng hiểu. Khi quý vị đã hiểu, sẽ chẳng khó!

Chúng ta phải sửa đổi tập khí trong cuộc sống hằng ngày, đối với tập khí trong công việc, tập khí trong cách đãi người tiếp vật, nhất định phải sửa đổi. Cư xử với người khác, nhất định phải biết hằng thuận chúng sanh, giống như Phật, Bồ Tát hằng thuận lục đạo chúng sanh. Trong lục đạo càng xuống thấp hơn, càng khó tùy thuận. Khó làm mà có thể làm, khó nhẫn mà có thể nhẫn. Tùy thuận những đường cao hơn [tam đồ], sẽ dễ dàng hơn. Vì sao? Họ thiện nhiều, ác ít. Tùy thuận những đường dưới, do ác nhiều, thiện ít, chẳng tùy thuận thì làm sao được? Quý vị chẳng tùy thuận, đúng là họ sẽ lắc đầu bỏ đi. Do đó, tùy thuận là đức hạnh; do tùy thuận, người thế gian sẽ nói là “xuôi lọt”. Chớ nên áp đặt tiêu chuẩn của chính mình làm tiêu chuẩn [chung cho mọi người]. Nhất định phải theo tiêu chuẩn của chúng sanh, lấy tiêu chuẩn của họ làm tiêu chuẩn, họ sẽ dễ dàng tiếp nhận, tiếp nhận ta làm bằng hữu, làm bạn bè thuận thảo. Bản thân quý vị hành xử chánh đáng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều có thể tương ứng Tánh Đức. Lâu ngày chày tháng, sẽ tự nhiên cảm hóa kẻ khác, họ sẽ giác ngộ. Đã giác ngộ, sẽ tự nhiên quay đầu, chẳng có ai không quay đầu! Họ còn chưa quay đầu, phải biết là ta làm chẳng đủ, ta cảm chẳng sâu, [khiến cho] họ còn chưa thấu hiểu,

vẫn chưa tỉnh ngộ. Ta phải tiếp tục nỗ lực. Sửa hằng ngày, luôn luôn sửa đổi vì chính mình mà cũng vì chúng sanh.

Nói thật ra, Bồ Tát phát tâm vì chính mình thì ít, mà vì chúng sanh thì nhiều, dũng mãnh tinh tấn như vậy. Nếu chúng ta chẳng khéo sửa đổi, chúng sanh thêm một ngày mê hoặc, thêm một ngày tạo nghiệp, chịu khổ thêm một ngày, sao Bồ Tát nhẫn tâm? Thấy chúng sanh nhiều ngàn ấy đang đọa trong tam đồ, thọ khổ báo, làm thế nào để cứu họ? Chỉ có chính mình nêu gương tốt hòng cảm hóa họ. Trừ cách ấy ra, chẳng có biện pháp thứ hai! Giảng thì họ chẳng nghe, nhất định phải nêu gương. Có lúc chúng tôi cũng từ những tay linh môi (medium) biết đôi chút tin tức, nghe họ nói Quán Thế Âm Bồ Tát thường đi vào ngục quỷ, địa ngục đạo. Chúng tôi nghe xong, hoan hỷ, tin tưởng, chẳng hoài nghi. Ngài vào đó để làm gì? Nêu gương tu hành tốt đẹp. Ngài hiện thân quý trong quỷ đạo, trong địa ngục bèn hiện thân địa ngục, trong súc sanh bèn hiện thân súc sanh thì mới có thể giáo hóa họ. Do đó, nhất định phải hiện thân đồng loại, ngôn ngữ giống hệt, quý vị mới có thể giúp họ, mới có thể giúp họ dần dần tăng tấn, chuyện này chẳng thể vội vàng được. Tăng cao tới cảnh giới trong kinh Lăng Nghiêm, hoặc cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm, sẽ chẳng phải là nhân thiên, còn cao hơn nhân thiên nữa!

Do vậy, đối với loại đại kinh, đại luận như vậy, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay. Trong mười loại đương cơ của Hoa Nghiêm, có một loại là phạm phu. Phạm phu như thế nào? Đại tâm phạm phu. “*Đại tâm*” là gì? Thấy kẻ khác chịu khổ, trong tâm rất khổ sở, bèn nghĩ phải giúp đỡ họ. Tuy chính mình tâm có thừa mà sức chẳng đủ, cái tâm thật sự có thừa, người ấy chính là đại tâm phạm phu! Người ấy có thể nghe, có thể thấu hiểu, có thể tiếp nhận, “*tiếp nhận*” là y giáo phụng hành. Chí nguyện vĩnh viễn chẳng thay đổi, bất luận là thuận cảnh, tôi thường nói: Đối với thuận cảnh chẳng tham luyến, đối với nghịch cảnh chẳng sân khuê, suốt đời tùy duyên, chẳng phan duyên. Tùy duyên, sẽ chẳng có nơi nào không tốt, chẳng có chuyện gì không tốt, chẳng có kẻ nào không tốt, tùy duyên đây! Vì sao? Người ấy chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, cho nên người ấy có thể làm được! Vì sao chúng ta ở trong hoàn cảnh, nhất là hoàn cảnh nhân sự, cứ phải kén cá chọn canh? Đây đều là phân biệt, đều là chấp trước. Tập khí ấy đã dưỡng thành từ vô lượng kiếp lâu xa, cho nên bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, nó sẽ tự nhiên dấy lên hiện hành, khiến cho chính mình chẳng có cách nào không chế. Đây gọi là tập khí phiền não.

Làm như thế nào? Chẳng có cách nào khác, hễ nhận biết bèn sửa. Giác là sửa, thường xuyên giác ngộ, luôn luôn giác ngộ, giác ngộ mỗi ngày. Cổ đại đức vận dụng Công Quả Cách, quý vị ngẫm xem có hợp lý hay không? Liên Trì đại sư còn viết sách về Công Quả Cách, hiện thời, trong toàn tập có [tác phẩm ấy], có tựa đề là Tự Tri Lục. Ngài chẳng gọi là Công Quả Cách, mà gọi là Tự Tri Lục. Mỗi ngày Ngài dùng mấy điều ấy để phản tỉnh, cũng có đến mấy chục điều. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, trong một ngày có thiện và có ác, thiện và ác đều phải ghi lại, so sánh, ngày hôm nay ta thiện nhiều hay ác nhiều? Dùng phương



pháp này để kiên trì chí hạnh. Phương pháp tuy vụng về, nhưng rất hữu hiệu, đặc biệt là đối với người mới học, đặc biệt là đối với người hiện thời.

Bởi lẽ, muốn thật sự học tập pháp thế gian và xuất thế gian mà có thành tựu, chớ nên chần chừ, cầu thả, [chần chừ, cầu thả] sẽ chẳng thể thành tựu. Phải nghiêm túc, kiên trì! Phương hướng, mục tiêu chớ nên sai chệch mảy may, chính mình chánh đáng, kẻ khác tự nhiên sẽ chánh theo. Thậm chí chẳng cần phải nghĩ đến người khác, hễ thấy người khác có lỗi, ngay lập tức kiểm điểm chính mình: Ta có lỗi lầm hay không? Hễ có bèn sửa đổi; nếu không càng thêm cố gắng. Hạnh của ta chánh đáng, sẽ ảnh hưởng người khác. Hạnh của ta chẳng chánh đáng, cũng sẽ ảnh hưởng người khác, người khác cũng chẳng chánh đáng. Vì thế, vua Thang có một câu danh ngôn: *“Thiên hạ hữu tội, tội tại trẫm cung”* (Thiên hạ có tội, tội bởi nơi trẫm). Ngạn ngữ có câu: *“Thượng lương bất chánh, hạ lương oai”* (Kèo trên chẳng ngay, kèo dưới lệch). Vì sao dân chúng phạm tội? Vì sao bất thiện? [Nguyên nhân là do] bản thân nhà vua có vấn đề! Cổ thánh tiên vương có khác gì Phật, Bồ Tát? Há chẳng phải là như Quán Âm Bồ Tát đã dạy: *“Đáng nên dùng thân quốc vương đắc độ, liền hiện thân quốc vương hòng thuyết pháp”*. Có đúng như thế hay không? Đúng vậy! Đáng nên dùng thân tể quan đắc độ, liền hiện thân tể quan để thuyết pháp. Nay chúng ta gọi *“tể quan”* (宰官) là người lãnh đạo các cấp trong chánh phủ như tỉnh trưởng, thị trưởng, huyện trưởng, trấn trưởng, khu trưởng, lý trưởng đều là tể quan. Nếu quý vị hành xử chánh đáng, dân chúng sẽ chánh đáng. Quý vị hành xử chẳng chánh đáng, dân chúng sẽ đi theo đường tà, đấy là đạo lý nhất định.

Chúng ta bất luận là thân phận gì, bất luận cương vị gì, thầy đều là hành Bồ Tát đạo, thầy đều hành Phật đạo. Trong nhà quý vị là gia trưởng, nhà quý vị tăng trưởng điều chánh, sẽ chẳng có người nào trong nhà quý vị bất chánh. Hễ có người nhà bất chánh, tức là ta làm gia trưởng chưa tốt. Chủ nhân của công ty, hãng xưởng, hoặc cửa hiệu là người lãnh đạo; nếu ông ta chánh đáng, tất cả công nhân viên chức đều chánh đáng. Bản thân ông ta bất chánh, đương nhiên là công nhân, viên chức đều tà. Chánh là gì? Tam giáo Nho, Thích, Đạo đều là Chánh, đều có cái đáng để chọn lấy. Nho gia coi trọng sự tương, nói đến luân lý, thiên trọng luân lý. Đạo giáo thiên trọng đạo đức. Phật pháp giảng Trung Đạo, Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nếu chúng ta hiểu rõ những đạo lý ấy, nghiêm túc nỗ lực kiên trì chí nguyện của chính mình: *“Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”*, đây là đại nguyện từ xưa tới nay của mười phương thế giới tất cả chư Phật, Bồ Tát. Sau khi nguyện đã viên thành, nhất định dùng sự hành trì của chính mình để giúp đỡ, phổ độ chúng sanh chẳng bỏ Phật đạo. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập bài kệ này tới đây!

**Đại Phương Quảng Phật**

**Hoa Nghiêm Kinh**

**Phẩm thứ mười một**

**Tịnh Hạnh Phẩm**

**Phần 45 hết**